

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất⁶²:

“Gọi là ái, vậy thế nào là ái?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Ái có ba, đó là dục ái, sắc ái và vô sắc ái.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể diệt trừ được ba ái này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất⁶³:

“Gọi là nghiệp đạo⁶⁴, vậy thế nào là nghiệp đạo?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Nghiệp đạo. đó là mười nghiệp đạo bất thiện, tức sát sanh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân khuế và tà kiến.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Có con đường nào, có sự thực hành nào để diệt trừ mười nghiệp đạo này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Diêm-phù-xa hỏi Xá-lợi-phất⁶⁵:

“Gọi là ô uế, vậy thế nào là ô uế?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Uế có ba, đó là tham dục, sân khuế và ngu si.”

Lại hỏi Xá-lợi-phất:

⁶². Đoạn văn đáp 29, Pāli, S.38.10 Taṇhā.

⁶³. Đoạn văn đáp 30.

⁶⁴. Hán: nghiệp đạo 業 道. Pāli: kammapatha; bản Hán hiểu là kammapada.

⁶⁵. Đoạn văn đáp 31.

“Có con đường nào, có sự thực hành nào mà tu tập, tu tập nhiều, thì có thể trừ được ba uế này không?”

Xá-lợi-phất đáp:

“Có. Đó là tám Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy từ giã nhau.

Như kinh Uế, cũng vậy các kinh nói về Cầu bẩn [32], Cầu ghét [33], Gai nhọn [34], Luyến [35] và Hete phược [36] cũng như vậy.

**
*

KINH 491. SA-MÔN XUẤT GIA SỞ VĂN⁶⁶

Như kinh Diêm-phù-xa hỏi, kinh Sa-môn xuất gia hỏi cũng như vậy.

**
*

KINH 492. NÊ THỦY⁶⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đây. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào⁶⁸ được vô lượng tam-muội⁶⁹, thân tác chứng, thành tựu và an trụ, nhưng đối với Niết-bàn, sự diệt tận của hữu thân⁷⁰, mà tâm không hoan hỷ⁷¹, luyến tiếc hữu thân⁷². Giống như người

⁶⁶. “Những câu hỏi của Sa-môn xuất gia”. Nội dung gần giống các kinh trên.

⁶⁷. “Ao bùn”. Pāli, A.4.178 Jambāli.

⁶⁸. Pāli: cattārome bhikkhave puggalā santo saṃvijjamānā lokasmīm, thế gian có bốn hạng người.

⁶⁹. Pāli: santam cetovimutti, tâm giải thoát tịch tĩnh.

⁷⁰. Hán: hữu thân diệt 有身滅. Pāli: sakkāyanirodha.

⁷¹. Hán: tâm bất lạc trước 心不樂著. Pāli: na pakkhandati: không tiến tới, hay không phấn chấn.

⁷². Bản Pāli, A.ii, tr.165: sakkāyanirodhe cittam na pakkhandati nappasīdati na santiṭṭhati nādhimuccati, “(Vì ấy khi tác ý hữu thân diệt) đối với hữu thân diệt mà tâm không thăng tiến, không trường tịnh, không an trú, không quyết tín”.

tay dính keo mà nắm trên cành cây, thì tay liền bị dính trên cành không gỡ ra được. Vì sao? Vì keo dính tay.

“Nếu Tỳ-kheo tự thân đã tác chứng vô lượng Tam-ma-đề⁷³, nhưng tâm không hoan hỷ⁷⁴ đối với Niết-bàn, sự diệt tận của hữu thân⁷⁵; luyến tiếc hữu thân, thì trọn không thể thoát ly, ngay trong đời này không được tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung cũng không sở đắc mà phải sanh lại cõi này; cuối cùng rồi cũng không phá được sự si ám. Như bên cạnh làng có ao bùn; lớp bùn rất sâu. Lâu ngày trời không mưa, nước ao khô cạn, đất nứt nẻ ra⁷⁶. Cũng vậy, Tỳ-kheo ngay trong đời này không được tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung cũng không sở đắc và sẽ trở lại đọa vào cõi này.

“Nếu có Tỳ-kheo nào được vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, đối với sự diệt tận của hữu thân, Niết-bàn, này khi hoại diệt mà tâm sanh ra tin vui, không luyến tiếc hữu thân. Giống như người dùng bàn tay khô ráo, sạch sẽ, vịn vào cành cây, thì tay sẽ không bị dính theo cây. Vì sao? Vì bàn tay sạch. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào được vô lượng tam-muội, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, đối với sự diệt tận của hữu thân, Niết-bàn này khi hoại diệt mà tâm sanh ra tin vui, không luyến tiếc hữu thân; ngay trong đời này tùy thuận giáo pháp, cho đến khi mạng chung không còn sanh lại cõi này nữa.

“Cho nên Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh. Giống như bên cạnh làng có ao bùn, nước từ bốn phía chảy vào, trời lại hay mưa, nước thường vào ao đầy dẫy, đồ đờ bẩn chảy ra hết, ao nước này trở nên trong sạch.. Cũng vậy Tỳ-kheo ngay trong đời này mà tùy thuận giáo pháp; cho đến khi mạng chung sẽ không còn sanh trở lại cõi này. Bởi vậy, Tỳ-kheo phải siêng năng phương tiện phá tan vô minh.”

^{73.} Xem cht.69 trên.

^{74.} Xem cht.71 trên.

^{75.} Bản Pāli: “Vị ấy khi tác ý sự diệt trừ vô minh”.

^{76.} Bản Pāli: ao đã bị bí, không thoát nước, lại lâu ngày không mưa, lớp bùn khô cứng không thể vét cạn”.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 493. THỪA THUYỀN NGHỊCH LUU⁷⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đây. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo a-luyện-nhã⁷⁸, hoặc ở giữa đất trống, trong rừng, dưới bóng cây, nên học như vầy: Quay vào bên trong mà tư duy, quán sát, tự biết trong tâm còn có dục tưởng không? Nếu không tự biết được, thì ở nơi cảnh giới hoặc ở nơi tịnh tưởng, ở đó sẽ có ái dục khởi lên, trái với hạnh viễn ly⁷⁹. Giống như người dùng sức chèo thuyền nghịch dòng đi lên, thân nếu hơi mệt mỏi, biếng nhác, thì thuyền quay trở lại, xuôi dòng đi xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo khi tư duy tịnh tưởng, trở lại sanh ra ái dục, trái với hạnh viễn ly. Tỳ-kheo này tu học, tu phương tiện thấp kém, hành không thuần tịnh. Vì vậy lại bị ái dục cuốn trôi, không được pháp lực, tâm không tĩnh lặng, tâm không chuyên nhất; đối với tịnh tưởng kia theo đó mà sanh ái dục, trôi nổi lẩn lóc, trái với hạnh viễn ly. Nên biết Tỳ-kheo này, không dám tự xác nhận là đối với năm phẩm chất của dục mà ly dục, giải thoát.

“Nếu Tỳ-kheo nào ở nơi đất trống, trong rừng hoặc dưới bóng cây, tư duy như vầy: ‘Trong nội tâm ta đã ly dục chưa?’ Tỳ-kheo này sẽ ở nơi cảnh giới hoặc tiếp nhận tịnh tưởng, mà biết tâm mình đã xa lìa tưởng ấy, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy. Giống như lông chim vào lửa thì bị quắn lại, không có nở ra. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào, hoặc tiếp nhận tịnh tưởng mà tùy thuận viễn ly, không tùy thuận tiến vào dòng xoáy.

“Tỳ-kheo, nên biết như vầy, đối với phương tiện thực hành tâm

⁷⁷. “Cõi thuyền đi ngược dòng”.

⁷⁸. Hán: A-luyện-nhã tỳ-kheo 阿 練 若 比 丘. Pāli: araññaka-bhikkhu, tỳ-kheo sống trong rừng.

⁷⁹. Trái với đời sống ẩn dật.

không biếng nhác, chứng đắc pháp, tịch tĩnh, tĩnh chỉ, an ổn, khoái lạc, thuần tịnh nhất tâm và tự nói: ‘Ta sau khi tư duy, đối với tịnh tướng, mà tùy thuận viễn ly, tùy thuận tu đạo, thì có thể tự xác nhận, đối với năm phẩm chất của dục, đã ly dục giải thoát.’”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả dạy, hoan hỷ, phụng hành.

**
*

KINH 494. KHÔ THỌ⁸⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, sáng sớm, Tôn giả đắp y mang bát ra khỏi núi, vào thành Vương xá khất thực; thấy bên lề đường một cây đại thụ khô liền đến bên cây này trải tọa cụ ngồi ngay thẳng và nói với các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào tu tập thiền tú, đạt được thần thông, tâm được tự tại, muốn biến cây khô này thành đất, thì sẽ thành đất liền. Vì sao? Vì trong cây khô này có địa giới. Cho nên Tỳ-kheo có sức thần thông, tâm muốn tạo ra đất, tức thì thành đất không khác. Nếu có Tỳ-kheo nào đạt được sức thần thông, tự tại như ý, mà muốn khiến cây này thành nước, lửa, gió, vàng, bạc v.v... tất cả đều thành tựu không khác. Vì sao? Vì cây khô này có thủy giới. Cho nên, thiền tú được sức thần thông, tự tại như ý; nếu muốn khiến cây khô này thành vàng, tức thì thành vàng không khác và những vật khác cũng đều thành tựu như vậy. Vì sao? Vì cây khô này có các giới. Cho nên, Tỳ-kheo thiền tú, được sức thần thông, tự tại như ý, nếu muốn làm thành các vật khác thì cũng đều thành tựu không khác. Tỳ-kheo nên biết, khi Tỳ-kheo thiền tú, cảnh giới thần thông không thể nghĩ bàn. Cho nên, Tỳ-kheo phải tinh cần thiền tú, học các thần thông.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁸⁰. Pāli, A.6.41 Dārukhandha.

KINH 495. GIỚI⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà trong thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Người phạm giới, vì phá giới nên sở y sút giảm, tâm không an trú với sự an lạc⁸². Vì tâm không an trú với sự an lạc nên mất hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, tam-muội tịch tĩnh; mất tri kiến như thật⁸³, sự yếm ly, ly dục, giải thoát, vĩnh viễn không thể đạt được Vô dư Niết-bàn. Giống như cây bị mục thì tất cả cành, lá, hoa, trái đều không thể thành tựu. Tỳ-kheo phạm giới lại cũng như vậy, công đức sút giảm⁸⁴, tâm không an trú với sự an lạc. Vì tâm không an trú với sự an lạc⁸⁵ nên mất hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, tam-muội tịch tĩnh; mất tri kiến như thật, sự yếm ly, ly dục, giải thoát. Do thoái thất giải thoát nên vĩnh viễn không thể đạt được Vô dư Niết-bàn.

“Tỳ-kheo trì giới, căn bản đầy đủ, sở y đầy đủ, tâm được tin vui. Vì được tin vui nên tâm được hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, đạt đến tam-muội tịch tĩnh, thấy biết như thật, yếm ly, ly dục, giải thoát. Do được giải thoát, nhanh chóng đạt đến Vô dư Niết-bàn. Ví như gốc cây không bị mục thì cành, lá, hoa, trái đều được thành tựu. Tỳ-kheo trì giới lại cũng như vậy, căn bản đầy đủ, sở y đầy đủ, tâm được tin vui. Vì được tin vui nên tâm được hoan hỷ, tĩnh chỉ, an lạc, đạt đến tam-muội tịch tĩnh, thấy biết như thật, yếm ly, ly dục, giải thoát. Do được giải thoát, nhanh chóng đạt đến Vô dư Niết-bàn.”

⁸¹. Pāli, A.5.168 Sīla; 10.4 Upanisā; 11.4-5 Upanissā. Tham chiếu Hán, №26 Trung, 48 Giới kinh.

⁸². Hán: sở y thoái giảm tâm bất lạc trú 所 依 退 減 心 不 樂 住. Pāli: hatūpaniso hoti sammāsamādhī, tư trợ (sở y) của chánh định bị tổn hại.

⁸³. Pāli: sammāsamādhivipannssa hatūpanisam hoti yathābhūtaññāṇadassanam, do thoái thất chánh định, tư trợ (sở y) của tri kiến như thật bị tổn hại.

⁸⁴. Hán: công đức (thoái giảm) 功 德. Đoạn trên dịch là sở y. Pāli: hatūpanisā. Xem cht.82 trên.

⁸⁵. Hán: bất tín lạc 不 信 樂: không còn tin tưởng.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 496. TRÁNH

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu các Tỳ-kheo khởi lên tranh cãi với nhau, có Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo cử tội. Nhưng Tỳ-kheo này, nếu không bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát, thì nên biết Tỳ-kheo này ngang ngạnh lâu dài, tranh cãi, kiện tụng càng tăng, chống đối nhau, nuôi hận càng ngày càng sâu. Đối với những tội lỗi đã khởi lên, không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được.

“Nếu Tỳ-kheo đã khởi lên việc tranh tụng, nhưng Tỳ-kheo phạm tội, hay Tỳ-kheo cử tội, bằng vào tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát, chịu khiển trách, thì nên biết Tỳ-kheo này không ngang ngạnh lâu dài, không chống đối nhau và hận thù không còn tăng trưởng; đối với tội đã khởi có thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn cho dừng lại.

“Thế nào là Tỳ-kheo bằng tư duy đúng mà tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-kheo nên tư duy như vầy: ‘Ta thật sự không phải, không tốt, không nên tạo tội, để cho người khác bắt gặp mình. Nếu ta không tạo tội này thì người kia sẽ không bắt gặp. Vì người kia bắt gặp ta phạm tội, khiến họ không vui vẻ và hiềm trách nên cử tội. Còn những Tỳ-kheo khác nếu nghe cũng sẽ hiềm trách. Cho nên việc tranh tụng xảy ra lâu dài, tính ngang ngạnh càng tăng và tranh cãi với nhau. Đối với những tội đã khởi, không thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn cho dừng lại được. Nay ta tự biết như mình đã nộp thuế⁸⁶.’ Đó gọi là Tỳ-kheo đối với những tội đã khởi có thể tự quán sát.

“Thế nào là Tỳ-kheo cử tội có thể tự phản tỉnh quán sát? Tỳ-kheo cử tội nên nghĩ như vầy: ‘Trưởng lão Tỳ-kheo này phạm tội

⁸⁶. Hán: thâu thuế 輸 稅. Bản Tống: thâu dí 輸 移.

không tốt khiến ta bắt gặp. Nếu vị ấy không phạm tội không tốt đó thì ta đâu có bắt gặp. Vì ta đã bắt gặp tội của người này khiến không vui nên phải nói ra. Còn những Tỳ-kheo khác nếu bắt gặp thì cũng sẽ không vui và cũng sẽ nêu tội. Sự tranh tụng cứ như vậy kéo dài tăng trưởng không dừng, không thể dùng Chánh pháp luật để ngăn chặn những tội đã làm, khiến cho dừng lại. Từ ngày hôm nay ta tự mình từ bỏ nó, như mình nộp thuế.’ Như vậy Tỳ-kheo cử tội nên khéo y cứ vào tư duy đúng, để nội tĩnh quán sát.

“Cho nên, này các Tỳ-kheo, người có tội và người cử tội phải y cứ vào tư duy đúng, tự quán sát dừng để cho sự ngang ngạnh tăng trưởng thêm lên. Nay các Tỳ-kheo, không nên tranh tụng nữa, nếu việc tranh tụng có khởi lên thì có thể dùng Chánh pháp luật ngăn chặn khiến nó dừng lại.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 497. CỬ TỘI⁸⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo cử tội muốn cử tội người khác, khiến cho tâm an trụ, thì cần có bao nhiêu pháp để được cử tội người khác?”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Nếu Tỳ-kheo nào khiến tâm an trụ, có đủ năm pháp được cử tội người khác. Năm pháp đó là: Thật, chứ không phải không thật. Đúng thời, chứ không phải phi thời. Ích lợi, chứ chẳng phải không ích lợi. Nhu nhuyễn, chứ không thô bạo. Từ tâm, chứ không sân hận. Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào muốn cử tội thì phải đủ năm pháp này mới được cử tội người khác.”

^{87.} Pāli, A.5.167 Codanā.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội, phải dùng bao nhiêu pháp để tự an được tâm mình?”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo bị cử tội phải nhờ vào năm pháp khiến cho tâm mình được an. Phải nghĩ rằng, ‘Người này do đâu mà biết được? Hãy là sự thật chứ đừng là không thật. Mong cho đúng thời, chứ đừng khiến phi thời. Mong cho vì ích lợi chứ đừng khiến không vì ích lợi. Mong nhu nhuyến, đừng khiến thô bạo. Mong là từ tâm, đừng khiến sân hận. Nay Xá-lợi-phất, người bị cử tội phải đủ năm pháp này thì mới tự an được tâm mình.’”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con thấy có sự cử tội người khác mà không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời, chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế, chứ không có từ tâm. Bạch Thế Tôn, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật đó, phải dùng bao nhiêu pháp vì lợi ích khiến cho hối cải?”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo cử tội mà không đúng sự thật, phải dùng năm pháp vì lợi ích khiến cho hối cải. Nên nói với người ấy rằng, ‘Trưởng lão, hôm nay Trưởng lão cử tội, không thật: chứ chẳng phải thật; Trưởng lão nên hối cải. Phi thời: chứ chẳng phải đúng thời; không vì ích lợi, chứ chẳng phải vì ích lợi; thô bạo, chứ không nhu nhuyến; sân nhuế, chứ không có từ tâm; Trưởng lão nên hối cải.’ Nay Xá-lợi-phất, đối với Tỳ-kheo cử tội người khác mà không đúng sự thật, thì phải dùng năm pháp vì lợi ích này, khiến cho hối cải, cũng khiến cho Tỳ-kheo trong vị lai không vì người khác mà cử tội không đúng sự thật.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội không đúng sự thật, phải dùng bao nhiêu pháp để khiến cho không bị hối hận⁸⁸? ”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo bị cử tội không đúng, thì phải nhờ vào năm pháp để

⁸⁸. Hán: biến hối 變悔 . Pāli: avippaṭisāro.

không tự mình phải hối hận. Người này phải nghĩ như vậy, ‘Tỳ-kheo kia cử tội không thật, chứ chẳng phải thật; phi thời chứ chẳng phải thời; không vì lợi ích chứ chẳng phải vì lợi ích, thô bạo chứ chẳng phải nhu nhuyến, sân hận chứ không phải từ tâm. Ta thật sự không phải hối hận.’ Tỳ-kheo bị cử tội không thật đó phải nhờ vào năm pháp này để tự an tâm mình, không tự mình phải hối hận.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận; Tỳ-kheo cử tội đúng đó nên bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo cử tội đúng sự thật, nên bằng năm pháp vì lợi ích để khiến cho không bị hối hận. Nên nói như vậy, ‘Trưởng lão, ngài đã cử tội đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải phi thời; vì ích lợi chứ không phải không vì ích lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; từ tâm chứ không phải sân hận.’ Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo nào cử tội đúng thì phải bằng năm pháp lợi ích này để khiến Tỳ-kheo đó không bị hối hận và cũng để cho Tỳ-kheo vị lai cử tội người khác đúng mà không bị hối hận.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng bao nhiêu pháp vì lợi ích để không bị hối hận?”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo bị cử tội đúng, thì phải bằng năm pháp lợi ích này để không bị hối hận. Nên nói như vậy, ‘Tỳ-kheo này cử tội đúng chứ không phải không đúng, ông chớ hối hận; đúng thời chứ không phải phi thời; nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyến chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, ông chớ hối hận.’

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con thấy Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà lại sân hận. Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà sân hận, thì phải dùng bao nhiêu pháp để tự giải tỏa đối với sân hận?”

Phật dạy Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì phải dùng năm pháp để tự giải tỏa. Nên nói với người ấy rằng, ‘Trưởng lão, Tỳ-kheo cử tội ông là đúng sự thật chứ không phải không thật, ông chớ sân hận... cho đến từ tâm chứ không phải sân hận.’ Nay Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo bị cử tội đúng mà khởi lên sân hận, thì nên dùng năm pháp này để đối với sân hận được giải tỏa.”

- **Xá-lợi-phất bạch Phật:**

“Bạch Thế Tôn, có người cử tội đúng, có người không đúng; đối với hai người này con tự an tâm. Nếu kia đúng sự thật thì con phải tự biết. Nếu kia không đúng thì con phải tự hóa giải rằng, ‘Điều đó không đúng, nay ta tự biết là không có lỗi này.’ Bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như những gì Thế Tôn đã dạy trong kinh Thí dụ xẻ gỗ⁸⁹, dạy các Sa-môn: ‘Nếu có giặc đến bắt ông, rồi dùng cưa, cưa xẻ thân ông. Các ông đối với giặc mà khởi lên niệm ác, nói lời ác, thì tự sanh ra chướng ngại. Cho nên, Tỳ-kheo, nếu bị giặc dùng cưa, cưa xẻ thân các ông, các ông đối với giặc chớ khởi lòng ác và nói lời ác, chỉ tự làm chướng ngại mình mà thôi. Đối với những người đó nên sanh lòng từ bi, không oán hận; chứng nhập, thành tựu và trú với từ tâm cùng khắp bốn phương cảnh giới.’ Cho nên, bạch Thế Tôn, con phải như vậy, như lời Thế Tôn đã dạy, đối với cái khổ thân bị cưa xẻ mà còn tự an nhẫn; huống chi những cái khổ nhỏ nhặt, hay những lời phỉ báng nhỏ nhặt mà không an nhẫn được. Vì mục đích của Sa-môn, vì ước muốn của Sa-môn, muốn đoạn trừ pháp bất thiện, muốn tu tập pháp thiện thì đối với pháp bất thiện này nên đoạn trừ; và đối với pháp thiện thì nên phương tiện tu tập tinh cần, khéo tự phòng ngừa, buộc niệm tư duy, không để buông lung. Hãy tu học như vậy.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu con cử tội Tỳ-kheo khác, đúng sự thật chứ không phải không thật; đúng thời chứ không phải không đúng thời; có nghĩa lợi chứ không phải không nghĩa lợi; nhu nhuyễn chứ không phải thô bạo; có từ tâm chứ không phải sân hận, nhưng có Tỳ-kheo bị cử tội kia vẫn ôm lòng thù hận.”

⁸⁹. Hán: Giải tài kinh 解 材 經. Không rõ xuất xứ.

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo loại nào khi nghe cử tội mà sanh tâm thù hận?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo kia cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng Sa-môn, không siêng năng tu học, không tự tinh quán sát, vì kế sống mà xuất gia, không vì cầu Niết-bàn; những người như vậy nghe con cử tội liền sanh sân khuế.”

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Những hạng Tỳ-kheo nào nghe ông cử tội mà không sân hận?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào tâm không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, có chánh tín, biết hổ thẹn, tinh cần chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, không bỏ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, tôn sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, không vì kế sống; những Tỳ-kheo như vậy nghe con cử tội thì hoan hỷ nhận lãnh như uống cam lộ. Như người nữ dòng Sát-lợi hay Bà-la-môn tắm gội sạch sẽ, được hoa đẹp đẽ, yêu thích, đội lên đầu, cài lên đầu. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, lừa gạt, chánh tín, có hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, siêng tu tập, tự tinh giác, vì pháp xuất gia, chí cầu Niết-bàn, thì Tỳ-kheo như vậy khi nghe con cử tội vui vẻ nhận lãnh như uống cam lộ.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Nếu Tỳ-kheo nào cong vạy, giả dối, lừa gạt, bất tín, không hổ thẹn, biếng nhác, mất niệm, không định, ác tuệ, ngã mạn, trái với hạnh viễn ly, không kính Giới luật, không trọng hạnh Sa-môn, không cầu Niết-bàn, vì kế sống xuất gia, thì đối với Tỳ-kheo như vậy không nên dạy dỗ và nói chuyện. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này phá phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo nào không cong vạy, không giả dối, không lừa gạt, có lòng tin, hổ thẹn, tinh cần, chánh niệm, chánh định, trí tuệ, không ngã mạn, tâm giữ hạnh viễn ly, kính sâu Giới luật, trọng hạnh Sa-môn, chí sùng Niết-bàn, vì pháp xuất gia, thì

những Tỳ-kheo như vậy phải nêu dạy dỗ. Vì sao? Vì những Tỳ-kheo này thường tu phạm hạnh, có thể tự đứng vững."

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 498. NA-LA-KIỀN-ĐÀ⁹⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại Na-la-kiền-đà, trong vườn Am-la của người bán y⁹¹. Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lê dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con tin sâu xa về Thế Tôn rằng, trí tuệ của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng sự giác ngộ⁹² của Thế Tôn, huống lại là hơn!”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất! Lành thay những lời nói hữu đệ nhất này, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, tự nói tin sâu xa về Thế Tôn rằng, trí tuệ có được của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng sự giác ngộ của Thế Tôn, huống lại là hơn!”

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Ngươi có thể biết rõ về tăng thượng giới của Phật quá khứ chăng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không biết.”

Đức Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Ngươi có biết pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trú như vậy chăng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

⁹⁰. Pāli, S.47.12 Nālandā. Tham chiếu, D.28 Sampasādanīya-suttanta.

⁹¹. Na-la-kiền-đà mại y giả Am-la viên 那 羅 健 陀 賣 衣 者 蓮 羅 園 . Pāli: Nālandāyaṃ viharati pāvārikambavane, vườn xoài của nhà phú hộ Pāvārika là nghề (bán y) chứ không phải tên người.

⁹². Nguyên Hán: Bồ-dề 菩 提 . Pāli: Sambodhi.

“Bạch Thế Tôn, con không biết.”

Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

“Ngươi có biết rõ tăng thượng giới của Phật vị lai, cùng pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trú như vậy chăng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không biết.”

Đức Phật hỏi Xá-lợi-phất:

“Ngươi có biết rõ giới tăng thượng của Phật hiện tại, cùng pháp như vậy, tuệ như vậy, minh như vậy, giải thoát như vậy và an trú như vậy chăng?”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không biết.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Nếu ông không biết trong tâm của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại sở hữu các pháp đó, thì tại sao ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử, tán thán như vậy: ‘Con tin sâu xa về Thế Tôn rằng: trí tuệ có được của các Sa-môn, Bà-la-môn dù là quá khứ, vị lai hay hiện tại cũng không bằng trí tuệ Thế Tôn, huống lại là hơn?’”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con không biết giới hạn trong tâm⁹³ của chư Phật Thế Tôn quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng con có thể biết giới hạn về pháp⁹⁴ của chư Phật Thế Tôn. Con nghe pháp được Thế Tôn nói, càng lúc càng sâu xa, càng lúc càng thù thắng, càng lúc càng tăng thượng, càng lúc càng vi diệu. Con nghe pháp được Thế Tôn nói, khi biết một pháp tức thì đoạn một pháp, biết một pháp liền chứng một pháp, biết một pháp tức thì tu tập một pháp, cứu cánh đối với pháp. Cho nên đối với Đại Sư lòng tin được thanh tịnh và tâm được thanh tịnh. Thế Tôn là bậc Đẳng Chánh Giác.

⁹³. Hán: bất tri ... tâm chi phân tể 不 知 ... 心 之 分 齊. Pāli: cetopariyañāṇa n'atthi, “không có nhận thức về tâm tư...” Bản Hán đọc ceto-paryanta (giới hạn của tâm tư) thay vì ceto-pariya (động thái của tâm tư).

⁹⁴. Hán: pháp chi phân tể 法 之 分 齊. Pāli: dhammanvaya: tổng tướng (tính loại tự) của pháp.

“Bạch Thế Tôn, như quốc vương có thành trì ở biên giới, vòng thành vây quanh vuông vức, bốn mặt kiên cố, chắc chắn, chỉ có một cửa, không có cửa thứ hai, sai người đứng giữ cửa; nhân dân ra vào đều từ cửa này. Việc đi ra hoặc đi vào, tuy người giữ cửa này không biết số người nhiều hay ít, nhưng biết nhân dân chỉ đi từ cửa này, không đi chõ khác. Cũng vậy, con biết chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác quá khứ, đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Chư Phật Thế Tôn đời vị lai cũng đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác. Ngày nay, chư Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác hiện tại cũng đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Này Xá-lợi-phất, chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại thấy đều đã đoạn tận năm triền cái là những thứ não loạn tâm, khiến cho tuệ lực suy kém, bị rơi vào chướng ngại, không hướng đến Niết-bàn; đã an trú bốn Niệm xứ; đã tu tập bảy Giác phần; đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác.”

Phật nói kinh này xong, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

**
*

KINH 499. THẠCH TRỤ⁹⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở trong núi Kỳ-xà-quật.

⁹⁵. Pāli, A.9.26 Silāyūpa.

Khi ấy có Tỳ-kheo Nguyệt Tử⁹⁶ là đệ tử của Đề-bà-đạt-đa⁹⁷, đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, chào hỏi xong đứng qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

“Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thường thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo nghe không?”

.Nguyệt Tử thưa:

“Thưa, có thuyết pháp.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

“Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp thế nào?”

Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đề-bà-đạt-đa thuyết pháp như vậy: ‘Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà tu tâm⁹⁸, Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận rằng, ta đã ly dục, giải thoát khỏi năm dục công đức.’”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

“Đề-bà-đạt-đa của ông sao không thuyết pháp như vậy, ‘Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, lìa tâm dục, lìa tâm sân nhuế, lìa tâm ngu si, được pháp không tham, được pháp không sân và không si, không trở lại pháp dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu; thì Tỳ-kheo ấy có thể tự xác nhận, ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa’?”

Tỳ-kheo Nguyệt Tử thưa:

“Vì ấy không thể như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất.”

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tỳ-kheo Nguyệt Tử:

“Nếu có Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

“Ví như gần thôn áp có núi đá lớn, không thể cắt đứt được, không thể phá nát và xuyên thủng được, nó dày đặc và kín mít. Giả sử có gió

⁹⁶. Nguyệt Tử Tỳ-kheo 月子 比丘. Pāli: Candikaputta.

⁹⁷. Đề-bà-đạt-đa 提婆達多. Pāli: Devadatta.

⁹⁸. Hán: tâm pháp tu tâm 心法修心. Pāli: cetassā cittam suparicitam, tâm hoàn toàn được được tích tập bởi tâm ý.

từ phương Đông thổi tới, không thể làm cho nó lay động, cũng không thể vượt qua nó để đến phương Tây. Cũng vậy, gió từ phương Nam, Tây, Bắc và bốn góc thổi đến cũng không thể làm cho nó lay động và vượt qua khỏi nó. Cũng vậy, Tỳ-kheo bằng tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ví như cột đồng nhân-dà⁹⁹ được cắm sâu vào trong đất, đắp đất lên chặt kín, gió bốn phía có thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ví như trụ đá dài mươi sáu khuỷu tay, cắm vào lòng đất tám khuỷu tay, gió bốn phương thổi đến cũng không thể lay động được. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’

“Ví như người đốt lửa chưa cháy, cháy rồi thì không đốt nữa. Cũng vậy, Tỳ-kheo với tâm pháp mà khéo tu tâm, có thể xa lìa tâm tham dục, tâm sân nhuế và tâm ngu si, được pháp không tham, không nhuế và không si, thì Tỳ-kheo này có thể tự xác nhận: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe rồi, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁹⁹. Hán: nhân-dà đồng trụ 因 陀 銅 柱; Pāli: indakhīla, cọc trụ trước cổng chợ để làm mốc. Bản Pāli không dẫn thí dụ này.

KINH 500. TỊNH KHẨU¹⁰⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang ở đó.

Sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực. Khất thực xong, ngồi dưới bóng cây thọ trai. Trong lúc ấy có nữ ngoại đạo xuất gia Tịnh Khẩu¹⁰¹ từ trong thành Vương xá đi ra có chút việc, gặp Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi ăn dưới bóng cây, bà tiến đến hỏi:

“Sa-môn đang ăn phải không?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Vâng, đang ăn.”

Lại hỏi:

“Sao, Sa-môn cúi mặt xuống¹⁰² mà ăn.”

Đáp:

“Thưa tỳ muội, không.”

Lại hỏi:

“Ngửa mặt lên¹⁰³ mà ăn chăng?”

Đáp:

“Thưa tỳ muội, không.”

Lại hỏi:

“Xoay mặt bốn phương¹⁰⁴ mà ăn chăng?”

Đáp:

“Thưa tỳ muội, không”

Lại hỏi:

¹⁰⁰. Pāli, S.28.10 Sucimukhi.

¹⁰¹. Tịnh Khẩu ngoại đạo xuất gia ni 淨 口 外 道 出 家 尼: theo cách dịch này, đây không phải là tên riêng. Pāli: Sūcimukhi.

¹⁰². Hán: hạ khẩu thực 下 口 食, chỉ sự kiểm ăn bằng tự canh tác. Pāli: adhomukha. Trong Pāli, mukha, nghĩa là miệng; cũng có nghĩa là mặt.

¹⁰³. Hán: ngữ ng khẩu thực 迎 口 食; kiểm ăn bằng sự xem thiên văn. Pāli: ubbhamukha.

¹⁰⁴. Hán: phương khẩu thực 方 口 食; tu sĩ kiểm ăn bằng cách làm mai mối, thông sứ, liên lạc viên cho cư sĩ. Pāli: disāmukha.

“Xoay mặt bốn góc¹⁰⁵ mà ăn chǎng?”

Đáp:

“Thưa tỳ muội, không.”

Lại hỏi:

“Tôi hỏi Sa-môn đang ăn phải không, Sa-môn đáp là đang ăn. Tôi hỏi ngửa mặt lên mà ăn chǎng? Sa-môn đáp là không; hỏi cúi mặt xuống mà ăn chǎng? Sa-môn đáp không; hỏi xoay mặt bốn phương mà ăn chǎng? Sa-môn đáp là không; hỏi xoay mặt bốn góc mà ăn chǎng? Sa-môn đều trả lời không. Những gì Sa-môn nói như vậy là có ý nghĩa gì?”

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

“Này tỳ muội, những Sa-môn, Bà-la-môn có kiến thức về sự vật¹⁰⁶, có kiến thức về hoành pháp¹⁰⁷, kiểm ăn một cách tà mạng; những Sa-môn, Bà-la-môn này cúi mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào ngược mặt nhìn xem hiện tượng trăng sao, kiểm ăn một cách tà mạng như vậy; Sa-môn, Bà-la-môn này ngửa mặt mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm sứ giả cho người khác, kiểm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn phương mà ăn. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào làm thuốc trị các thứ bệnh¹⁰⁸, kiểm ăn một cách tà mạng, những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy xoay mặt bốn góc mà ăn. Ngày tỳ muội, tôi không thuộc vào cách kiểm ăn theo bốn thứ tà mạng này, mà tôi chỉ theo đúng pháp kiểm ăn để tự nuôi sống. Cho nên, tôi nói là không phải là bốn cách ăn tà mạng đó.”

Khi xuất gia ngoại đạo tên là Tịnh Khẩu nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ, tùy hỷ từ giã, rồi bà đi đến chỗ ngã tư đường trong thành Vương xá, khen ngợi rằng: ‘Sa-môn Thích tử nuôi sống

¹⁰⁵. Hán: tứ duy khẩu 四 維 口 ; kiểm ăn bằng sự bói toán. Pāli: vidisāmukha.

¹⁰⁶. Hán: minh ư sự 明 於 事. Pāli: vatthuvijjā, được hiểu là môn học về đất đai, nhà cửa; trách địa minh, gia tướng học; một thứ phong thủy học. Chính xác, có lẽ là môn học về chủ thuật trấn yểm thổ trách.

¹⁰⁷. Hán: minh ư hoành pháp 明 於 橫 法. Pāli: tiracchānavijjā, kiến thức về súc vật, bằng sanh minh, hay động vật học. Chính xác, loại chủ thuật về súc vật.

¹⁰⁸. Pāli: aṅgavijjātiracchānavijjāya micchājivena jivikam kappenti, “kiểm sống một cách tà mạng bằng chiêm tinh học, súc sanh học”.

chân chính¹⁰⁹, tự nuôi sống rất chân chính! Nếu người nào muốn bố thí cúng dường, thì nên cúng dường cho Sa-môn Thích tử; nếu muốn tạo phước, thì nên đến Sa-môn Thích tử tạo phước.”

Lúc ấy các Sa-môn ngoại đạo nghe xuất gia nữ ngoại đạo tên là Tịnh Khẩu khen ngợi Sa-môn họ Thích, bèn khởi tâm tật đố hại bà ấy. Nữ ngoại đạo ấy bị họ hại chết, được sanh lên cõi trời Đâu-suất, nhờ sanh lòng tin đối với Tôn giả Xá-lợi-phất.

**

KINH 501. THÁNH MẶC NHIÊN¹¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo các Tỳ-kheo:

“Một thời, Thế Tôn ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà; tôi đang ở trong núi Kỳ-xà-quật này, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vậy: ‘Thế nào là sự im lặng của bậc Thánh?’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nếu có Tỳ-kheo mà giác và quán đã dứt¹¹¹, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú Nhị thiền, đó gọi là sự im lặng của bậc Thánh.’ Lại nghĩ tiếp: ‘Nay ta cũng nên im lặng như bậc Thánh, với giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú nhiều lần.’ Sau khi đã an trú nhiều rồi, tâm lại khởi có giác, có quán. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, tức thì Ngài biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra

¹⁰⁹. Hán: tịnh mạng tự hoạt 淨 命 自 活. Pāli: dhammikam āhāram āhārenti, “Họ ăn thức ăn đúng pháp”.

¹¹⁰. Án Thuận, Tụng 6. Đệ tử sở thuyết, “29. Tương ứng Mục-kiền-liên”, gồm các kinh Đại Chánh 501-534, phần lớn tương đương Pāli, S.40. Moggalāna-Samyutta. Đại Chánh kinh 501, Pāli, S.21.1 Kolito. Xem thêm, S.40.1-6 Savitakka.

¹¹¹. Hán: tức hữu giác hữu quán 息 有 覺 有 觀 . Pāli, savitakka (hữu tâm) và savicāra (hữu tú), hai chi của Sơ thiền đã lắng xuống (vitakkavicārānam vūpasamā) khi chứng Thiền thứ hai.

trong núi Kỳ-xà-quật, trước mặt tôi. Ngài nói với tôi rằng:

“Này Mục-kiền-liên, ông nên im lặng như bậc Thánh, chờ sanh buông lung.

“Tôi nghe Đức Thế Tôn nói xong, liền xa lìa hữu giác, hữu quán, nội tinh nhất tâm; không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú Nhị thiền. Ba lần như vậy, Phật cũng dạy tôi ba lần: ‘Ngươi nên im lặng như bậc Thánh chờ buông lung.’ Tôi lại dứt hữu giác, hữu quán, nội tinh nhất tâm; không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng và an trú Nhị¹¹² thiền.

“Nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp¹¹³, thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán đánh nhưng đã được vương pháp, không tinh cần phương tiện mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi.”

Sau khi Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 502. VÔ MINH¹¹⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo các Tỳ-kheo:

¹¹². Bản Cao-ly: tam 三 . Theo nội dung, đây sửa lại là nhị 二 .

¹¹³. Hán: đặc Phật pháp phần 得 佛 法 分 .

¹¹⁴. Pāli, S.40.9 Animitto.

“Khi Đức Thế Tôn ở thành Vương xá, tôi ở trong núi Kỳ-xà-quật, một mình ở chỗ vắng nghĩ như vậy: ‘Thế nào gọi là Thánh trụ?’¹¹⁵ Lại nghĩ tiếp: ‘Nếu có Tỳ-kheo nào không niệm tất cả tướng, vô tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm’¹¹⁶, thì đó gọi là Thánh trụ.’ Tôi lại nghĩ: ‘Ta nên ở nơi Thánh trụ này, không niệm tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm,’ và an trú nhiều lần. Sau khi đã an trú nhiều rồi, tâm chấp tướng¹¹⁷ lại sanh.’ Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm tôi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, dùng sức thần thông biến mất ở tinh xá Trúc viên và hiện ra ở núi Kỳ-xà-quật, đến trước tôi, nói tôi rằng: ‘Này Mục-kiền-liên, ông nên trú nơi sự an trú của bậc Thánh, chờ sanh buông lung.’ Tôi nghe Đức Thế Tôn dạy xong, liền lìa tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm. Ba lần như vậy; Thế Tôn cũng ba lần đến dạy tôi: ‘Ngươi nên an trú nơi Thánh trụ, chờ sanh buông lung.’ Tôi nghe xong, liền xa lìa tất cả tướng, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú chánh thọ vô tướng tâm.

“Các Đại đức, nếu nói chân chính, con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp¹¹⁸, thì chính thân tôi là người này. Vì sao? Tôi là con của Phật sanh từ miệng Phật, hóa sanh từ pháp, thừa hưởng gia tài Phật pháp; bằng chút phương tiện mà được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Ví như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, tuy chưa làm lễ quán cảnh nhưng đã được hưởng vương pháp, không tinh cần phương tiện, mà có thể được năm dục công đức. Tôi cũng như vậy, là con của Phật, không tinh cần phương tiện, mà có thể được thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ. Trong vòng một ngày Đức Thế Tôn đã ba lần

¹¹⁵. Thánh trụ 聖住; an trú của bậc Thánh, hay đời sống của Thánh giả. Có ba trụ, Pāli: tayo vihārā dibbo vihāro, brahmavihāro ariyo vihāro, thiên trụ, phạm trụ và thánh trụ.

¹¹⁶. Hán: vô tướng tâm chánh thọ 無相心正受. Pāli: anīmittaṃ cetosamādhīm, vô tướng tâm định.

¹¹⁷. Hán: thủ tướng tâm 取相心. Pāli: nimittānusāriviññāṇam, thức hối tướng tướng.

¹¹⁸. Xem cht.113, kinh 501.

dùng thần thông đến chỗ tôi, ba lần dạy dỗ tôi, đem chỗ của bậc Đại nhân kiến lập cho tôi.”

Sau khi Tôn giả Mục-kiền-liên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 503. TỊCH DIỆT¹¹⁹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nan cùng ở chung một phòng nơi vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, vào cuối đêm, trời gần sáng¹²⁰, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Lạ thay, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Hôm nay Tôn giả trú trong tịch diệt chánh thọ¹²¹, tôi không nghe tiếng thở¹²² của Tôn giả.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trả lời:

“Đó không phải là tịch diệt chánh thọ mà chỉ an trú thô chánh thọ¹²³. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đêm nay tôi đã hầu chuyện với Đức Thế Tôn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

“Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Thế Tôn đang trú tại vườn Cấp cô độc, nước Xá-vệ, cách đây rất xa, làm sao cùng nói chuyện? Hiện tại Tôn giả đang ở Trúc viên, vậy làm sao hầu chuyện? Hay là Tôn giả đã dùng sức thần thông để đến chỗ Thế Tôn, hay Thế Tôn đã dùng sức thần thông đến chỗ Tôn giả?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Tôi không dùng sức thần thông đến chỗ Đức Thế Tôn và Thế

¹¹⁹. Pāli, S.21.3 Ghaṭo (vò nước).

¹²⁰. Bản Pāli: vào buổi chiều, sau khi từ thiền tịnh tĩnh giấc.

¹²¹. Hán: tịch diệt chánh thọ 空 滅 正 受. Pāli: santena... vihārena vihāsi, Tôn giả an trú với sự an trú tịch tĩnh. Vihāra: an trú tịch tĩnh.

¹²². Bản Pāli: Xá-lợi-phất nhìn sắc mặt mà phát biểu.

¹²³. Pāli: oḷārikena... vihārena vihāmi, tôi an trú với sự an trú thô.

Tôn cũng không dùng thần thông để đến chỗ tôi. Nhưng đối với những lời Phật ở trong thành Vương xá, nước Xá-vệ, tôi vẫn nghe được; vì Thế Tôn và tôi đều có thiên nhãn và thiên nhĩ, nên tôi có thể hỏi Thế Tôn, được nói là ân cần tinh tấn. Thế nào là ân cần tinh tấn? Thế Tôn trả lời tôi: ‘Này Đại Mục-kiền-liên, ban ngày nếu Tỳ-kheo nào đi kinh hành hay ngồi thiền, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Đầu hôm hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Vào giữa đêm ra khỏi phòng, rửa chân, trở vào nằm nghiêng sang hông bên phải, hai chân xếp lên nhau, cột niệm vào tướng sáng, chánh niệm, chánh trí, nghĩ muốn trỗi dậy. Đến cuối đêm, thức dậy từ từ, hoặc ngồi hay đi kinh hành, bằng pháp không chướng ngại, mà tự tịnh tâm mình. Nay Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là Tỳ-kheo ân cần tinh tấn.’’

Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thật là có sức thần thông lớn, sức công đức lớn, an tọa mà ngồi. Tôi cũng có sức lớn, được cùng ở chung với Tôn giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ví như núi lớn có người cầm một hòn đá nhỏ ném vào, đá cùng màu vị với núi. Tôi cũng như vậy, được cùng với sức lớn, đức lớn của Tôn giả, ngồi cùng chỗ ngồi. Cũng như vật đẹp đẽ tươi tốt của thế gian được mọi người tôn trọng; đức lớn, sức lớn của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng được những người phạm hạnh cung kính tôn trọng. Nếu ai được gặp Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, qua lại kết giao, cung kính cúng dường, người ấy được ích lớn. Nay tôi được cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên kết giao qua lại, cũng được thiện lợi.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Nay tôi được cùng với bậc Đại trí, Đại đức Xá-lợi-phất ngồi cùng chỗ ngồi, cũng giống như cầm hòn đá nhỏ ném vào núi lớn, thì đá cùng màu với núi. Tôi cũng như vậy, được cùng với Tôn giả Xá-lợi-phất ngồi cùng chỗ ngồi và làm bạn nhau.”

Hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người từ giã về chỗ của mình.



TẠP A-HÀM QUYẾN 19

KINH 504. XAN CẤU¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, trong thành Vương xá². Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc bấy giờ, vua Thích Đề-hoàn Nhân³ đang ở trên ngôi lầu Thượng diệu⁴. Đêm hôm đó, ông đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên. Ánh sáng của Thích Đề-hoàn Nhân chiếu rực khắp cả núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân ngồi xuống và đọc bài kệ:

*Điều phục tánh keo kiệt,
Đại đức tùy lúc thí,
Là bậc hiền bố thí,
Đời sau thấy thù thắng⁵.*

Lúc này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Đế Thích:

“Này Kiều-thi-ca⁶, thế nào là điều phục tánh keo kiệt, để thấy nơi thù thắng mà ông nói rằng:

*Điều phục tánh keo kiệt,
Đại đức tùy lúc thí,
Là bậc hiền bố thí,
Đời sau gặp thù thắng.*

Khi ấy, Đế Thích đáp:

1. Pāli, M.37 Cūlatañhāsañkhaya-sutta. Chi tiết không hoàn toàn đồng nhất. Tham chiếu №125(19.3).
2. Bản Pāli: tại Xá-vệ, Đông viên, giảng đường Lộc tử mẫu.
3. Thích Đề-hoàn Nhân 釋 提 桓 因. Pāli: Sakko devānam Indo, Thiên chúa của chư thiên Tāvatīma.
4. Thượng diệu đường quán 上 妙 堂 觀. Trong bản Pāli: Sakka mời ngài Mục-kiền-liên lên cung điện Chiến thắng (Vejayanta). №125(19.3) nói là Tối thắng giảng đường 最 勝 講 堂.
5. Bản Pāli không có bài kệ này. №125 (19.3) cũng không.
6. Kiều-thi-ca 橘 尸 迦. Pāli: Kosiya, tên tục của Thiên đế Thích.

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đại tánh Bà-la-môn thù thắng, đại tánh Sát-đế-lị thù thắng, đại tánh trưởng giả thù thắng, Tứ thiên vương thù thắng, Tam thập tam thiên thù thắng; tất cả đều kính lễ con. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, con được đại tánh Bà-la-môn thù thắng, đại tánh Sát-đế-lị thù thắng, đại tánh trưởng giả thù thắng, Tứ thiên vương thù thắng, Tam thập tam thiên thù thắng; tất cả đều cung kính làm lễ. Do thấy quả báo này, nên nói bài kệ đó.

“Lại nữa, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cho đến chỗ mà mặt trời đi khắp, chiếu sáng khắp chỗ, đến ngàn thế giới, ngàn mặt trăng, ngàn mặt trời, ngàn núi chúa Tu-di, ngàn Phất-bà-đề-xá, ngàn Uất-đa-la-đề-xá, ngàn Cù-đà-ni-ca, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Tứ thiên vương, ngàn Tam thập tam thiên, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, ngàn Phạm thiên gọi là tiểu thiên thế giới; và trong tiểu thiên thế giới này, không có cung điện nào sánh bằng cung điện Tỳ-xà-diên⁷. Cung điện Tỳ-xà-diên có một trăm lẻ một lâu quán; quán có bảy lớp; lớp có bảy phòng; phòng có bảy thiên hậu; mỗi thiên hậu có bảy thị nữ. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ở tiểu thiên thế giới không có đường quán trang nghiêm như Tỳ-xà-diên. Con thấy do điều phục tánh keo kiệt, mà có được diệu quả này, nên con nói kệ đó.”

Đại Mục-kiền-liên nói với trời Đế Thích:

“Lành thay, lành thay! Kiều-thi-ca, ông nhờ thấy được quả báo thắng diệu này nên nói bài kệ vừa rồi.”

Khi ấy Thiên đế Thích nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, liền biến mất.

**
*

KINH 505. ÁI TẬN⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong núi Kỳ-xà-

⁷. Tỳ-xà-diên đường quán 麋闍延堂觀, cũng gọi là cung điện Chiến thắng hay Tối thắng điện, Tối thắng giảng đường. Pāli: Vejayanta-vimāna, hay Vejayanta-sabha.

⁸. Pāli, M.37 Cūlataṇhāsaṅkhaya-sutta. Tham chiếu, kinh trên; Hán, N°125 (19.3).

quật, một mình nơi chỗ vắng thiền tịnh tư duy và nghĩ rằng: Thuở xưa, có lần Thích Đè-hoàn Nhân, ở trong hang đá núi Giới cách⁹, đã hỏi Thế Tôn về nghĩa ái tận giải thoát¹⁰. Thế Tôn đã vì ông mà nói, nghe xong ông đã tùy hỷ. Dường như ông ấy còn muốn hỏi lại nghĩa nào đó nữa¹¹. Nay ta nên đi đến hỏi về ý tùy hỷ của ông. Nghĩ như vậy rồi, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, Mục-kiền-liên biến khỏi núi Kỳ-xà-quật, đến cõi trời Tam thập tam và đứng không xa một cái ao Phân-dà-lợi¹² mấy. Lúc ấy, Đề Thích cùng năm trăm thể nữ đang nô đùa nơi ao tắm và có cả âm thanh mỹ diệu của các Thiên nữ. Bấy giờ Đề Thích từ xa trông thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, liền bảo các Thiên nữ:

“Đừng hát nữa! Đừng hát nữa!”

Các Thiên nữ liền im lặng. Đề Thích liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân Tôn giả, rồi lui đứng qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi trời Đề Thích:

“Trước kia, ở trong núi Giới cách, ông có hỏi Đức Thế Tôn về nghĩa ái tận giải thoát, khi nghe rồi tùy hỷ, vậy thì ý ông thế nào? Vì nghe Phật nói xong tùy hỷ, hay là còn muốn hỏi nghĩa nào khác nữa, mà ông tùy hỷ?”

Thiên đế Thích đáp:

“Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cõi trời Tam thập tam của con, đa phần là say đắm buông lung theo dục lạc; hoặc nhớ việc trước, hoặc có khi không nhớ. Đức Thế Tôn hiện ở vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá. Tôn giả muốn biết những việc con hỏi khi ở trong núi Giới cách, nay xin Tôn giả có thể đến hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy sao thì Tôn giả cứ theo đó mà thọ trì. Bây giờ, ở chỗ này của con có một cung điện¹³ tốt đẹp, mới làm xong chưa bao lâu, mời Tôn giả vào viếng thăm.”

⁹. Giới cách sơn 界 隔 山.

¹⁰. Ái tận giải thoát 愛 盡 解 脫. Pāli: taṇhakkhayavimutti, giải thoát do tham ái đã được dứt sạch.

¹¹. Bản Pāli: không biết ông ấy có tin lời Phật hay không?

¹². Phân-dà-lợi trì 分 陀 利 池, tức ao sen.

¹³. Chỉ cung điện Tối thắng (Pāli: Vejayanta).

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời, liền cùng với Thiên đế Thích đi vào cung điện. Các Thiên nữ vừa thấy Đế Thích đến, liền trổ nhạc trời, ca múa. Đồ vật trang sức bằng anh lạc trên thân họ phát ra âm thanh vi diệu hợp với ngũ nhạc, như âm thanh của những nốt nhạc được trổ hay không khác. Các Thiên nữ chợt thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tất cả đều hổ thẹn, trốn nấp vào trong phòng. Khi ấy, Thiên đế Thích thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Tôn giả xem đất của cung điện này rất bằng phẳng; tường vách, cột kèo, lầu gác, cửa nẻo, màn lưới tất cả đều trang hoàng tốt đẹp.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Đế Thích:

“Này Kiều-thi-ca, nhờ nhân duyên phước đức đã tu thiện pháp trước đây, nên mới thành tựu được kết quả vi diệu này.”

Đế Thích ba lần tự khen ngợi như trên, rồi hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ba lần trả lời như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nghĩ: Nay, Đế Thích này tự quá buông lung, đắm trước nơi trú xứ của giới thần¹⁴, ca ngợi đường quán này. Ta sẽ làm cho tâm ông sanh nhảm chán xa lìa.

Tôn giả liền nhập định, dùng sức thần thông, dùng một ngón chân bấm vào ngôi đường quán này, làm cho tất cả đều chấn động. Sau đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền biến mất. Các Thiên nữ thấy đường quán bị đảo lộn, rung chuyển, thì hoảng hốt sợ hãi, vội vàng chạy đến tâu với Thiên đế Thích:

“Đây là Đại Sư của Kiều-thi-ca, có sức công đức lớn như vậy ư?”

Đế Thích bảo các Thiên nữ:

“Vị ấy chẳng phải là Thầy của ta, mà là Đại Mục-kiền-liên, đệ tử của Đại Sư, là người có phạm hạnh thanh tịnh và có công đức thần lực rất lớn.”

Các Thiên nữ thưa:

“Lành thay! Kiều-thi-ca, có được người đồng học, mà có phạm hạnh, công đức, thần lực lớn lao như vậy, huống gì là công đức, thần lực của Bậc Đại Sư thì không biết thế nào nữa!”

**

¹⁴. Hán: trước giới thần trú 著 界 神 住, chỉ đắm trước nơi bốn đại chủng (hay xúc giác).

KINH 506. ĐẾ THÍCH¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trên tảng đá mềm xốp màu xám¹⁶, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la¹⁷, loại cây đàm hương Câu-tỳ-dà-la¹⁸, không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang an cư ở vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-dà, nước Xá-vệ. Lúc bấy giờ, toàn thể bốn chúng cùng đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, lẽ dưới chân, rồi cùng ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Mục-kiền-liên:

“Tôn giả có biết Đức Thế Tôn đang an cư ở đâu không?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

“Tôi nghe Thế Tôn đang ở trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàm hương Câu-tỳ-dà-la, không xa. Phật an cư ở đó để thuyết pháp cho mẫu thân và chư Thiên cõi trời Tam thập tam.”

Sau khi nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, tất cả bốn chúng đều tùy hỷ, hoan hỷ, đứng dậy làm lễ mà lui.

Bấy giờ bốn chúng đã qua ba tháng an cư, lại cùng nhau đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cúi đầu lẽ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vì bốn chúng mà nói pháp, khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ. Sau khi khai thị, chỉ giáo, khích lệ, khiến cho hoan hỷ, Tôn giả ngồi im. Khi ấy, bốn chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ và thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nên biết, chúng tôi không được gặp Đức Thế Tôn đã lâu, lòng rất khao khát muốn gặp Đức Thế Tôn. Xin Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nếu không mệt mỏi, hãy vì chúng tôi mà

¹⁵. Pāli, S.40.10 Sakko. Tham chiếu, №125(36.5).

¹⁶. Thông sắc hư nhuyễn thạch 驚色虛軟石; một tảng đá rất lớn ở trên chóp đỉnh Tu-di.

¹⁷. Ba-lê-da-đa-la 波梨耶多羅, dịch là Trú đặc thọ, hay Viên sanh thọ, loại cây san hô che mát cõi trời Tam thập tam. Pāli: pāricchattaka.

¹⁸. Câu-tỳ-dà-la hương thọ 拘毘陀羅香壽, một loại cây hắc đàm. Pāli: kovidāra.

lên cõi trời Tam thập tam, thay cho chúng tôi hầu thăm Đức Thế Tôn, có được ít bệnh ít nǎo, đi đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Và Tôn giả bạch với Đức Thế Tôn là bốn chúng ở Diêm-phù-đề mong muốn gặp Thế Tôn, nhưng vì không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lẽ Đức Thế Tôn được, còn trời Tam thập tam vì có thần lực nên họ đi xuống nhân gian! Cứu xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi Diêm-phù-đề.”

Tôn giả Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Khi bốn chúng biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã im lặng nhận lời rồi, thì mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy làm lễ ra về.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên biết bốn chúng đã đi, liền nhập định, trong khoảnh khắc như đại lực sĩ co đuỗi cánh tay, từ nước Xá-vệ biến mất, hiện ra trên tảng đá mềm xốp màu xám, tại cõi trời Tam thập tam, cách cây Ba-lê-da-đa-la, loại cây đàm hương Câu-tỳ-đà-la, không xa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp với vô lượng quyến thuộc của Thiên chúng cõi trời Tam thập tam đang vây quanh. Tôn giả Mục-kiền-liên vừa trông thấy Đức Thế Tôn, liền hân hoan vui mừng, nghĩ rằng: ‘Nay Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng chư Thiên đang vây quanh, không khác gì chúng hội ở cõi Diêm-phù-đề.’

Khi ấy, Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, bèn nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Này Đại Mục-kiền-liên, không phải là vì tự lực, mà khi Ta muốn thuyết pháp cho chư Thiên thì chư Thiên kia liền vân tập đến và muốn khiến cho họ đi, thì họ lập tức trở về. Chư Thiên kia theo tâm Ta mà đến, tùy tâm Ta mà đi.”

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Có vô số đại chúng chư Thiên vân tập. Trong Thiên chúng này, phải chẳng có vị đã từng nghe pháp được thuyết từ Phật Thế Tôn, đã chứng đắc bất hoại tịnh¹⁹, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này?”

¹⁹. Bất hoại tịnh 不 壞 淨, hay bất hoại tín, chứng tịnh, trùng tịnh; bốn chi phần của vị đã chứng quả Dự lưu. Pāli: aveccappasāda.

Phật bảo Đại Mục-kiền-liên:

“Đúng vậy, đúng vậy! Trong hàng chư Thiên đang vân tập ở đây, có vị đời trước nghe pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này.

Khi ấy Thiên đế Thích thấy Thế Tôn và Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng khen ngợi, cùng nói chuyện với các Thiên chúng, liền thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, trong chúng hội chư Thiên ở đây, tất cả đều từ đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này.”

Lúc đó có một Tỳ-kheo, thấy Thế Tôn và Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Đế Thích trao đổi những lời tốt đẹp, Tỳ-kheo ấy nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Đúng vậy, đúng vậy, thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, chư Thiên đến trong pháp hội này đều là những người từ đời trước đã từng nghe Chánh pháp, đã chứng đắc bất hoại tịnh đối với Phật, Pháp, Tăng và thành tựu Thánh giới, sau khi thân hoại mạng chung lại sanh đến cõi này.”

Lúc ấy có một Thiên tử từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên hữu, chấp tay bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, con cũng đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật, nên lại sanh đến đây.”

Lại có Thiên tử nói:

“Con đã thành tựu được bất hoại tịnh đối với Pháp.”

Có vị nói:

“Đã đạt được bất hoại tịnh đối với Tăng.”

Có vị nói:

“Đã thành tựu được Thánh giới, nên lại sanh đến cõi này.”

Vô lượng ngàn số chư Thiên như vậy, đến trước Thế Tôn mỗi người tự ký thuyết là đã đạt được pháp Tu-đà-hoàn, tất cả ở trước Phật liền biến mất.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết chúng chư Thiên đi chưa

bao lâu, liền từ chõ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích vai bên hữu, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, bốn chúng ở cõi Diêm-phù-đề xin cúi đầu đánh lễ Đức Thế Tôn và kính hầu thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít nǎo, đi, đứng an lạc, nhẹ nhàng không? Bốn chúng nhớ mong, trông gặp Thế Tôn. Lại nữa, bạch Thế Tôn, bốn chúng ở nhân gian không có thần lực để bay lên cõi trời Tam thập tam kính lễ Thế Tôn, nhưng chư Thiên có thần lực, công đức lớn nên có thể bay xuống cõi Diêm-phù-đề! Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót bốn chúng, mà trở về cõi Diêm-phù-đề.”

Phật bảo Mục-kiền-liên:

“Ngươi hãy trở về nói với người cõi Diêm-phù-đề rằng: Sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Uu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá²⁰.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vâng lời dạy Thế Tôn, liền nhập chánh định trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi trời Tam thập tam biến mất, hiện đến Diêm-phù-đề, báo với bốn chúng:

“Các người nên biết, sau bảy ngày nữa Thế Tôn sẽ từ cõi trời Tam thập tam trở lại cõi Diêm-phù-đề, dưới cây Uu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá.”

Đúng như bảy ngày đã hẹn, Đức Thế Tôn từ cõi trời Tam thập tam trở lại Diêm-phù-đề, dưới cây Uu-đàm-bát, phía bên ngoài cổng ngoài của thành Tăng-ca-xá. Thiên long, Quỷ thần cho đến Phạm thiên, đều theo Thế Tôn xuống nơi này. Ngay lúc ấy, gọi hội này là chõ trời xuống²¹.

**

KINH 507. CHƯ THIỀN²²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá.

²⁰. Tăng-ca-xá thành 僧迦舍城, №125 (36.5): Tăng-ca-thi quốc. Pāli: Saṃkassa, một vương quốc bên bờ sông Hằng, Trung Án.

²¹. Thiền hả xứ 天下處. Pāli nói là lễ hội Mahāpavāraṇa (Đại tự tú).

²². Pāli, S.55.18 Devacārika.

Bấy giờ có bốn mươi Thiên tử²³ đến chỗ Tôn giả Mục-kiền-liên, cúi đầu đánh lỗ, rồi ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Đại Tôn giả Mục-kiền-liên nói với các Thiên tử:

“Lành thay! Các Thiên tử đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng; thành tựu Thánh giới²⁴. ”

Bốn mươi Thiên tử từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích vai bên hữu, chấp tay thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Chúng con nhờ đã thành tựu bất hoại tịnh đối với Phật; thành tựu bất hoại tịnh đối với Pháp, Tăng và Thánh giới, nên được sanh lên cõi Trời.”

Có một Thiên tử nói:

“Đối với Phật đã thành tựu bất hoại tịnh.”

Có vị nói:

“Đối với Pháp đã thành tựu bất hoại tịnh.”

Có vị nói:

“Đối với Tăng đã thành tựu bất hoại tịnh.”

Có vị nói:

“Đã được thành tựu Thánh giới, nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi Trời.”

Bốn mươi Thiên tử đều đến trước Tôn giả đại Mục-kiền-liên, mỗi người tự thuật lại sự thành tựu của chính mình và tự xác nhận đã được quả Tu-dà-hoàn, rồi liền biến mất.

Như bốn mươi Thiên tử cũng vậy, bốn trăm, tám trăm, mười ngàn Thiên tử cũng nói như vậy.

**
*

KINH 508. ĐỒ NGƯU NHI²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Tỳ-kheo Lặc-

²³. Bản Pāli: Tāvatiṃsakāyikā devatayo, chư Thiên thuộc Thiên chúng trời Tam thập tam.

²⁴. Bản Hán sót bất hoại tín thứ tư. Y theo đoạn dưới thêm vào.

²⁵. Pāli, S.19.1 Atṭhipesi.

xoa-na²⁶ cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

“Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cớ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

“Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực xong, trở về trước Thế Tôn rồi mới hỏi việc này. Lúc ấy Thầy hỏi tôi sẽ trả lời Thầy.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Sáng nay tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực, đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì, Thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

“Giữa đường tôi thấy một chúng sanh, thân to lớn như lầu các, đi giữa hư không, đang khóc lóc, kêu gào, buồn lo, đau khổ. Thấy vậy, tôi chợt nghĩ chúng sanh này mang cái thân to lớn như thế mà cũng bị buồn lo, đau khổ quá như vậy, nên tôi mỉm cười.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhẫn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không

²⁶. Lặc-xoa-na 勒叉那. Pāli: Lakkhaṇa.

nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài."

Phật bảo các Tỳ-kheo:

"Thời quá khứ, chúng sanh có thân to lớn kia ở tại thành Vương xá này, làm người đồ tể giết trâu bò. Vì tội giết trâu bò nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm. Khi ra khỏi địa ngục, vì dư báo tội giết trâu bò, nên phải chịu cái thân như vậy, thường chịu những sự buồn lo đau khổ như vậy."

Như vậy, này các Tỳ-kheo, những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật không khác. Các ông cần nêu ghi nhớ.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 509. ĐỒ NGƯU GIẢ²⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-dà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Tỳ-kheo Lặc-xoa-na cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

"Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cơ. Vậy hôm nay, Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?"

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

"Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực

²⁷. Pāli, S.19.2 Pesi (Gāvaghātaka).

xong, trở về trước Thế Tôn rồi hãy hỏi việc này. Lúc ấy Thầy có thể hỏi và tôi sẽ trả lời Thầy.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Sáng nay, tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực. Đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì. Thầy nói, tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên trả lời Tôn giả Lặc-xoa-na:

“Giữa đường tôi thấy một chúng sanh, gân với xương liền nhau, toàn thân nhơ bẩn, hôi hám đáng tởm, bị quạ, diều, két, kên kên, dã can, chó đói theo mổ ăn, hoặc moi nội tạng từ xương sườn ra ăn; cực kỳ đau đớn, kêu la, gào thét. Tôi thấy vậy tâm liền nghĩ: Chúng sanh đã mang cái thân như vậy, lại còn chịu sự khổ vô ích như vậy?”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhân, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

“Này các Tỳ-kheo, chúng sanh kia, thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là đệ tử của người đồ tể giết trâu bò. Vì tội giết trâu bò nên đọa vào địa ngục, trải qua trăm ngàn năm chịu vô lượng khổ. Vì dự báo tội giết trâu bò, nên ngày nay phải chịu cái thân này và phải tiếp tục chịu đau khổ vô ích như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH 510. ĐỒ DƯƠNG GIẢ²⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na²⁹ cùng ở trong núi Kỳ-xà-quật.

Sáng sớm, Tôn giả Lặc-xoa-na đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, rủ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên im lặng nhận lời. Hai Tôn giả cùng vào thành Vương xá khất thực. Đi đến một nơi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên mỉm cười, liền hỏi:

“Thường khi nào Đức Phật và các đệ tử của Ngài vui vẻ mỉm cười là phải có duyên cơ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

“Câu hỏi chưa đúng lúc. Hãy vào thành Vương xá khất thực xong, trở về trước Thế Tôn rồi hãy hỏi việc này. Lúc ấy Thầy có thể hỏi và tôi sẽ trả lời Thầy.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng Tôn giả Lặc-xoa-na vào thành Vương xá khất thực xong, trở về, rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Sáng nay tôi cùng với Thầy ra khỏi núi Kỳ-xà-quật để đi khất thực. Đến chỗ nọ, Thầy lại vui vẻ mỉm cười. Tôi liền hỏi Thầy cười việc gì. Thầy nói tôi hỏi không đúng lúc. Bây giờ tôi hỏi lại, vì nhân duyên gì mà Thầy vui vẻ mỉm cười?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với Tôn giả Lặc-xoa-na:

“Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân không có da bao bọc, chỉ là một khối thịt, đi trong hư không, bị quạ, diều, két,

²⁸. Pāli, 19.4 Nicchavi (orabhika).

²⁹. Xem ch.26 kinh 508.

kên kên, dã can chó đói rượt theo cầu xé để ăn, hoặc moi nội tạng ra khỏi xương sườn để ăn; thống khổ bức bách, kêu la, gào thét. Tôi liền nghĩ: ‘Chúng sanh này đã phải mang cái thân như vậy, mà còn phải chịu sự đau đớn vô ích như vậy.’”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh văn của Ta, người có thật nhẫn, thật trí, thật nghĩa, thật pháp, thì sẽ thấy chúng sanh này nhất định không trở ngại. Ta cũng thấy chúng sanh này những không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

“Này các Tỳ-kheo, chúng sanh kia, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, đã làm nghề giết dê. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay nó phải chịu cái thân như vậy, vì dư báo tội này, nên ngày nay phải tiếp tục chịu đau khổ như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là như thật, không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 511. ĐỒ DƯƠNG ĐỆ TỬ³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp:

“Giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn, không có da bao bọc, giống như một đống thịt đi giữa hư không... cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm đệ tử của người giết dê. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay nó phải chịu cái thân này, tiếp tục chịu đau khổ.

³⁰. Tham chiếu các kinh trên.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 512. ĐỌA THAI³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* giữa đường thấy một chúng sanh thân to lớn không da, giống như một đống thịt đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này này thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, tự phá thai. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Vì dư báo này nên vị ấy phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 513. ĐIỀU TƯƠNG SĨ³²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông; lông như cây kim lớn, mỗi cây kim đều có lửa cháy, đốt ngược lại thân thể, đau buốt tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm nghề luyện voi. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

³¹. Tham chiếu các kinh trên.

³². Người huấn luyện voi. Pāli, S.19.8 Sūcīloma (sarathi).

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

*Giống như người luyện voi, cũng vậy người luyện ngựa, luyện trâu bò, dèm siểm người và đủ các thứ khổ bức hiếp người, lại cũng như vậy.*³³

**
*

KINH 514. HIẾU CHIẾN³⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như dao, rực lửa, trở lại cắt đứt chính thân thể, đau đớn tận xương tủy... cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa thích chiến tranh, dùng dao kiếm chém giết người. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 515. LIỆP SƯ³⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc

³³. Tóm tắt bốn kinh.

³⁴. Pāli, S.19,9 Sūcako (người hay đâm thọc, gián điệp).

³⁵. Thợ săn. Pāli, S.19,6 Satti (māgaviko).

đầy lông, lông tua tủa như tên, tất cả đều bốc lửa, trở lại đốt cháy chính toàn thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, đã từng làm thợ săn, bắn giết cầm thú. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

**
*

KINH 516. SÁT TRƯ³⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như chĩa như mâu, Tất cả đều bốc lửa cháy trở lại thiêu đốt chính toàn thân thể, đau đớn tận xương tủy... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là kẻ đồ tể giết heo. Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

³⁶. Giết heo. Pāli, S.19.5 Asi (sūkariko).

KINH 517. ĐOÀN NHÂN ĐẦU³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn, không có đầu, hai bên có mắt, trước ngực có miệng, thân thể thường chảy máu, các loài trùng rúc rỉa, đau đớn tận xương tủy... cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa cắt đầu người. Vì tội này nên ở trong trăm ngàn năm đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như chặt đầu người, nắm đầu người cũng như vậy.

**
*

KINH 518. ĐOÀN ĐỒNG NHÂN³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh, dịch hoàn như cái lu nước³⁹, ngồi thì xoạc chân lên trên, đi thì phải vác lên vai... cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm thợ đúc đồng, làm đồ giả, gạt người⁴⁰. Vì tội này nên đọa vào địa ngục. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

³⁷. Chặt đầu người. Pāli, S.19.16 Sīsachinno-coraghātako (đao phủ và cai ngục).

³⁸. Người đúc đồng. S.19.10 Kumbhaṇḍa.

³⁹. Hán: âm noãn như ung 陰 卵 如 瓮, kumbhaṇḍa.

⁴⁰. Bản Pāli: gāmakūṭako (tên lường gạt làng xóm, phán quan tham nhũng).

“Này Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

Như người thợ đúc đồng, cũng vậy người cân lường đối trả, kẻ thôn chủ, kẻ chủ chợ cũng lại như vậy.

**
*

KINH 519. BỐ NGƯ SƯ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh lấy cái lưỡi đồng hoặc sắt tự quấn vào thân mình, lửa thường cháy đỏ trở lại đốt thân người đó, đau đớn tận xương tủy, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm người bắt cá. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

*Như người bắt cá, cũng vậy bắt chim, lưỡi thở lại cũng như vậy*⁴¹.

**
*

KINH 520. BỐC CHIÊM NỮ⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh⁴³ trên đầu có cái cối sắt,

⁴¹. Các kinh tương đương Pāli, S.19.3 Piṇḍa (sākuniko).

⁴². Nữ nhân làm thầy bói. Pāli, S.19.14. Maṅgulitthi.

⁴³. Bản Pāli: thấy một người nữ.

hừng hực lửa đỏ, xoay lại nghiền tán đầu của người đó, đi giữa hư không, chịu vô lượng khổ... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, là người nữ làm thầy bói đoán tướng⁴⁴, chuyên hành nghề bói toán, dối gạt, mê hoặc người để mưu cầu tiền của. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 521. BỐC CHIÊM SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân tự chuyển động xoay như gió xoáy, đi giữa hư không... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, làm người bói toán mê hoặc nhiều người để mưu cầu tiền của. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 522. HÁO THA DÂM⁴⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại thành Vương xá... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-

⁴⁴. Hán: bốc chiêm nữ nhân 卜女人. Pāli: maṅgulitthi ikkhamitthi, người đàn bà xấu xí làm nghề bói toán.

⁴⁵. Pāli, S.19.11 Paradāniko (lấy vợ người).

kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh lưng gù đi lom khom⁴⁶, bộ dạng như sợ hãi, đồ mặc toàn thân đều bốc lửa, trở lại đốt thân, đi giữa hư không... *cho đến*. Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương xá này, ưa làm việc tà dâm. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 523. MẠI SẮC⁴⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả Lặc-xoa-na vào buổi sáng sớm cùng vào thành Ba-la-nại khất thực. Giữa đường Tôn giả Mục-kiền-liên có điều gì suy nghĩ trong tâm, nên vui vẻ mỉm cười. Tôn giả Lặc-xoa-na thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Thường khi Đức Thế Tôn và các đệ tử của Ngài vui vẻ, mỉm cười là có duyên cơ. Vậy hôm nay Tôn giả vì nhân duyên gì lại mỉm cười như vậy?”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo Tôn giả Lặc-xoa-na:

“Câu hỏi chưa đúng lúc. Chúng ta hãy đi khất thực xong, khi trở về trước Thế Tôn sẽ hỏi việc này.”

Bấy giờ, cả hai vào thành khất thực, ăn xong, trở về rửa chân, cất y bát, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên.

Khi ấy, Tôn giả Lặc-xoa-na hỏi Tôn giả Mục-kiền-liên:

“Sáng nay giữa đường vì lý do gì Thầy lại vui vẻ mỉm cười?”

⁴⁶. Hán: ủ thân tàng hành 僵 身 藏 行.

⁴⁷. Buôn bán sắc. Pāli, S.19.13 Nicchavittī.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp Tôn giả Lặc-xoa-na:

“Giữa đường tôi thấy một chúng sanh to lớn, toàn thân đầy máu mủ, hôi hám, dơ nhớp, đi giữa hư không, bị chim, quạ, chó sói, chó đói rượt theo cấu xé để ăn. Kẻ ấy khóc lóc, kêu gào. Tôi liền nghĩ: ‘Chúng sanh này phải mang cái thân như vậy, mà còn phải chịu sự thống khổ như vậy, sao mà đau đớn thay!’”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Ta cũng thấy chúng sanh này nhưng không nói, sợ người không tin. Vì sao? Những điều Như Lai nói, có kẻ không tin. Kẻ ngu si ấy phải chịu khổ lâu dài.

“Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Ba-la-nại này, là người nữ buôn bán nhan sắc để sanh sống. Bấy giờ có Tỳ-kheo theo Phật Ca-diếp xuất gia. Người con gái ấy đem lòng không trong sạch mời vị Tỳ-kheo. Tỳ-kheo này trực tâm, nhận lời mời, không hiểu được ý cô. Cô gái nổi giận, lấy nước bất tịnh tạt vào mình Tỳ-kheo. Vì tội này nên đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Nay vì đư báo tội này, nên nó phải mang thân này, tiếp tục chịu đau khổ như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật đã dạy, vui mừng thực hành theo.

**
*

KINH 524. SÂN NHUẾ ĐĂNG DU SÁI⁴⁸

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại... *cho đến* ta ở giữa đường thấy một chúng sanh⁴⁹ thân hình to lớn, toàn thân lửa cháy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào, chịu đau đớn khổ nǎo... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

⁴⁸. Vì giận, chể dầu lên người. Pāli, S.19.15, Okilini-sapattāṅgārakokiri.

⁴⁹. Pāli: itthim uppakkañc okilinīñc oklinīñc, một người đàn bà bị cháy xém, bị nướng rám, bị xua đuổi.

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, là đệ nhất phu nhân của Tự tại vương⁵⁰. Khi cùng ngủ với nhà vua, bỗng nổi lòng sân hận, lấy dầu thắp đèn rưới lên người vua. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 525. TẮNG TẬT BÀ-LA-MÔN⁵¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, chỗ Tiên nhân trú xứ, nước Ba-la-nại... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói ta ở giữa đường thấy một chúng sanh toàn thân nhơ nhốp, bôi đầy phấn uế và cũng ăn phấn uế, đi giữa hư không, hôi hám khổ não, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Ba-la-nại, làm thầy Bà-la-môn của Tự tại vương. Vì tâm tật đố nên khi thỉnh chúng Thanh văn của Phật Ca-diếp thọ trai, ông đã lấy phấn uế bôi lên trên thức ăn, thử xúc não chúng Tăng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁵⁰. Tự tại vương 自 在 王. Pāli: Kaliṅgarājaḍḍo, vua Kaliṅga.

⁵¹. Người Bà-la-môn ganh tỵ. Pāli, S.19.12 Gūthakhādi-dutṭhabrāhmaṇo, người Bà-la-môn tà ác ăn phân.

KINH 526. BẤT PHÂN DU⁵²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Mục-kiền-liên nói, ta ở giữa đường thấy một chúng sanh to lớn, trên đầu đội một cái vạc bằng đồng lớn sôi sùng sục, trào ra rưới khắp thân thể, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia ở chỗ Phật Ca-diếp, làm Tỳ-kheo tri sự. Có nhiều thí chủ đem dầu đến cúng cho các Tỳ-kheo. Bấy giờ, có nhiều khách Tỳ-kheo. Vì tri sự này không chia dầu đúng thời, đợi cho các Tỳ-kheo khách đi rồi mới chia. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 527. ĐẠO THỦ THẤT QUẢ⁵³

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, có hòn sắc nóng ra vào từ thân, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia trong pháp Phật Ca-diếp, làm Sa-di giữ vườn trái của chúng Tăng, trộm bảy trái đem dâng cho Hòa thượng. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục,

⁵². Không chia dầu.

⁵³. Ăn trộm bảy trái cây.

chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 528. ĐẠO THỰC THẠCH MẬT⁵⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, lưỡi rộng dài, thấy có búa bén lửa đỏ rực, búa này cắt lưỡi người ấy, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, dùng búa cắt đường phèn cúng dường chúng Tăng; đường phèn dính trên lưỡi búa, lấy cắp ăn. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 529. ĐẠO THỦ NHỊ BÍNH⁵⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, có hai cái vòng sắt ở hai bên hông, bốc lửa xoay vần trở lại thiêu đốt thân họ, đi giữa hư không,

⁵⁴. Ăn trộm đường thẻ.

⁵⁵. Trộm hai cái bánh.

khóc lóc kêu gào... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Sa-di trong pháp Phật Ca-diếp, đem bánh ngọt cúng dường chúng Tăng, cắp lấy hai cái bánh kẹp vào nách. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 530. TỲ-KHEO⁵⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh thân hình to lớn, dùng một lá sắt quấn vào thân, áo quần, chăn mền, giường nằm đều là sắt nóng, tất cả đều bị đốt cháy hừng hực, ăn hòn sắt nóng, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào; *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở thành Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, đi xin y áo và vật thực cho chúng Tăng; cúng dường Tăng xong, còn dư liền tự mình thợ dùng. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như Tỳ-kheo, cũng vậy Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-din-i, Uu-bà-tắc, Uu-bà-di cũng lại như vậy.

**
*

^{56.} Pāli, S.19.17-21 Bhikkhu.

KINH 531. GIÁ THỪA NGƯƯU XA⁵⁷

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà nước Xá-vệ... cho đến Tôn giả Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường ta thấy một chúng sanh to lớn, mang trên cổ chiếc xe sắt đang cháy, chặt đứt gân cổ, tiếp đến chân tay, gân quấn quanh cổ họ, đi trên đất sắt nóng, đi giữa hư không, khóc lóc kêu gào cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, đánh xe bò để sanh sống. Vì tội này nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông cần nên ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 532. MA-MA-ĐẾ

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh, thân to lớn, lưỡi rộng dài, bị các cây đinh sắt nóng đóng vào lưỡi, đi trong hư không, bị đau đớn bức bách, khóc kêu gào... cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, làm Ma-ma-đế⁵⁸, quở trách các Tỳ-kheo rằng: ‘Này các Trưởng lão, các ông nên đi khỏi chỗ này, ở đây đậm bậc không thể cung cấp được. Mỗi người tùy ý tìm nơi sung túc, đầy đủ cơm áo, giường chiếu thuốc men, chữa bệnh, chắc có thể đầy đủ không thiếu’. Các Tỳ-kheo ở trước đó đều bỏ đi, còn khách Tăng nghe thế cũng không đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô

⁵⁷. Cõi xe bò.

⁵⁸. Ma-ha-đế, chủ chùa hay trụ trì. Pāli không có.

lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 533. ÁC KHẨU HÌNH DANH

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói, ở giữa đường thấy một chúng sanh thân hình to lớn, hình tướng như Tỳ-kheo, quần tấm sắt làm y phục, toàn thân bị thiêu đốt, cũng lấy bát sắt đựng viên sắt nóng để ăn... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vệ, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật: Ca-diếp, làm Ma-ma-đế, bằng ác khẩu hình dung tên các Tỳ-kheo, hoặc nói đây là ông trọc xấu xa, đây là ông tác phong xấu, đây là ông y phục xấu. Do những lời nói ác như vậy khiến cho các Tỳ-kheo ở trước đó bỏ đi, các Tỳ-kheo chưa đến không muốn đến. Do tội này cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như những gì Đại Mục-kiền-liên đã thấy là chân thật không sai. Các ông phải nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 534. HẢO KHỎI TRANH TỤNG⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Phật bảo các Tỳ-kheo:

⁵⁹. Thích gây tranh cãi.

“Chúng sanh này, thời quá khứ, ở nước Xá-vê, xuất gia làm Tỳ-kheo trong pháp Phật Ca-diếp, ưa thích tranh cãi, làm rối loạn chúng tăng, lấm mồm mép, làm mất sự hòa hợp. Các Tỳ-kheo ở trước chán bỏ đi, người chưa đến không muốn đến. Do tội ấy cho nên bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Nay vì dư báo địa ngục nên nó phải mang cái thân này, tiếp tục chịu khổ.

“Này các Tỳ-kheo, như Đại Mục-kiền-liên là thấy chân thật không sai. Các ông phải nêu ghi nhớ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 535. ĐỘC NHẤT (1)⁶⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vê. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm⁶¹. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở nơi rừng Khủng bố⁶² nơi có nhiều cầm thú, trong núi Thất-thâu-ma-la⁶³, thôn Bạt-kỳ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật ở một mình chỗ vắng, thiền tịnh tư duy. Tôn giả nghĩ thầm: ‘Có nhất thừa đạo⁶⁴ khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, não, được pháp chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Nếu người nào ưa thích bốn

⁶⁰. Án Thuận, “30. Tương ưng A-na-luật”, gồm các kinh, Đại Chánh 535-545. phần lớn tương đương Pāli S.52. Anuruddhasamyutta. Đại Chánh kinh 535, Pāli, S.52.1 Rahogata.

⁶¹. Bảy Pāli, trong tinh xá Cấp cô độc.

⁶². Khủng bố trù lâm 恐怖稠林. Pāli: Bhesakalā-vana.

⁶³. Thất-thâu-ma-la sơn 失收摩羅山. Pāli: Sumsumāragiri, núi Cá sấu.

⁶⁴. Nhất thừa đạo — 乘道, con đường độc đạo, chỉ bốn niệm xứ. (Pāli: ekāyana-maggo = cattāro satipaṭṭhānā).

Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết được ý nghĩ của Tôn giả A-na-luật, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay dùng thần lực biến khỏi rừng Khủng bố chồ nuôi cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la, thôn Bạt-kỳ và hiện ra trước Tôn giả A-na-luật, tại tinh xá Tòng lâm nơi thành Xá-vệ, bảo A-na-luật rằng:

“Phải chăng Thầy ở một mình nơi chồ vắng, thiền tịnh, tư duy nghĩ rằng: ‘Có đạo nhất thừa khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa ưu bi, khổ, nã, được chân như. Đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân, niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Nếu người nào xa lìa bốn Niệm xứ là xa lìa Thánh pháp. Người nào xa lìa Thánh pháp là xa lìa Thánh đạo. Người nào xa lìa Thánh đạo là xa lìa Pháp giải thoát. Người nào xa lìa Pháp giải thoát là không vượt qua khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã. Nếu người nào ưa thích bốn Niệm xứ thì cũng tin ưa Thánh pháp. Người nào tin ưa Thánh pháp thì tin ưa Thánh đạo. Người nào tin ưa Thánh đạo là tin ưa pháp cam lộ. Người nào tin ưa pháp cam lộ là thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, nã.’

Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Tôn giả.”

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói Tôn giả A-na-luật:

“Thế nào gọi là tin ưa bốn Niệm xứ?”

“Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo nào đối với niệm xứ quán thân trên thân, tâm duyên thân, an trú với chánh niệm, điều phục, tĩnh chỉ, an tĩnh, tịch tĩnh, nhất tâm tăng tiến. Cũng vậy, đối với quán niệm xứ thọ, tâm, pháp, mà an trú với chánh niệm, điều phục, tĩnh chỉ, an tĩnh, tịch tĩnh, nhất tâm tăng tiến. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là Tỳ-kheo tin ưa bốn Niệm xứ.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bằng tam-muội chánh thọ như vậy, từ cửa tinh xá Tòng lâm nước Xá-vệ, trở về rừng Khủng bố chồ nuôi cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la nơi thôn Bạt-kỳ.

KINH 536. ĐỘC NHẤT (2)⁶⁵

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ... *cho đến* Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Sao gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn Niệm xứ?”

Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Nếu Tỳ-kheo, đối với nội thân khởi tưởng yểm ly; đối với nội thân khởi tưởng không yểm ly; tưởng yểm ly, tưởng không yểm ly đều xả, an trú với chánh niệm, chánh tri. Cũng vậy, ngoại thân, nội ngoại thân, cảm thọ bên trong, cảm thọ bên ngoài, cảm thọ trong ngoài; tâm bên trong, tâm bên ngoài, tâm bên trong ngoài, pháp bên trong, pháp bên ngoài, pháp trong ngoài, khởi tưởng yểm ly, không khởi tưởng yểm ly, tưởng yểm ly và tưởng không yểm ly đều xả, an trú với chánh niệm, chánh tri. Như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, đó gọi là tu tập, tu tập nhiều bốn Niệm xứ.”

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập tam-muội từ tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, nhờ sức thần thông tam-muội, như lực sĩ co duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc đã trở về rừng Khủng bố đầy cầm thú trong núi Thất-thâu-ma-la tại thôn Bạt-kỳ.



^{65.} Xem kinh 535 trên.

TẠP A-HÀM QUYỂN 20

KINH 537. THỦ THÀNH DỤC TRÌ¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành², nước Xá-vệ.

Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất³ đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Hy hữu thay, A-na-luật! Có đại oai đức, đại thần lực⁴, do công đức gì, tu tập, tu tập nhiều mà được như vậy?”⁵

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

“Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; họ trên nội họ, ngoại họ, nội ngoại họ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.

“Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đối với bốn Niệm xứ khéo tu tập, nên đối với tiểu thiên thế giới chỉ tạo ít phương tiện⁶ mà có thể quán sát khắp tất cả. Như người mắt sáng ở trên lâu nhìn xuống, thấy mọi

¹. Đại Chánh quyển 20. Kinh 537. Pāli, S.52.3 Sutanu.

². Thủ thành dục trì 手成浴池, tên một con sông chảy qua Xá-vệ. Pāli: Sutanu.

³. Bản Pāli: sambahulā bhikkhū, số đông Tỳ-kheo.

⁴. Hán: đại đức đại lực 大德大力. Pāli: mahābhiññāta, đại thần thông.

⁵. Pāli: katamesaṃ dhammānaṃ bhāvitattā bahalikatattā mahābhiññataṃ patto ti, do tu tập những pháp gì, tu tập nhiều, mà chứng đắc đại thắng trí (thần thông) này?

⁶. Chỉ cần chút cố gắng.

vật trên đất bằng. Cũng như vậy, tôi cũng chỉ tạo ít phương tiện mà có thể quán tiểu thiền thế giới. Như vậy, tôi đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức thần lực lớn này.”

Hai vị Tôn giả cùng bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**
*

KINH 538. MỤC-LIÊN SỞ VẤN⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan, Tôn giả A-na-luật cũng đều ở nước Xá-vệ⁸.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau thăm hỏi sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà đạt được oai đức, thần lực lớn như vậy?”

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

“Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Đối với ngàn núi Tu-di, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà có thể xem xét tất cả. Như người mắt sáng leo lên đỉnh núi cao, nhìn xuống thấy ngàn rừng cây đa-la. Cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, thần lực lớn này, tôi chỉ dùng chút phương tiện mà thấy được cả ngàn núi Tu-di. Như vậy, thưa Tôn giả Đại Mục-

⁷. Pāli, S.52.6 Kaṇṭaki.

⁸. Bản Pāli: ở tại Sākete Kaṇṭakivane (khu rừng gai tại Sāketa).

kiền-liên, đối với bốn Niệm xứ, tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này.”

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

**
*

KINH 539. A-NAN SỞ VẤN⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-na-luật ở bên hồ tắm Thủ thành, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà được thành tựu oai đức, oai lực và thần thông lớn như vậy?”

Tôn giả A-na-luật trả lời Tôn giả A-nan:

“Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục tham ưu thế gian. Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ này tôi tu tập, tu tập nhiều, nên chỉ cần chút phương tiện, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người, xem thấy các chúng sanh lúc sanh, lúc chết, tướng mạo hoặc đẹp hoặc xấu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành, cõi ác, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, tất cả đều thấy như thật. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý đều tạo việc ác, phi báng Hiền thánh; do nhân duyên tà kiến hủy báng Hiền thánh, nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phi báng Hiền thánh, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên này nên khi chết

⁹. Pāli, S.52.23. Dibbacakkhu.

được sanh lên cõi trời. Thí như người mắt sáng đứng nơi ngã tư đường thấy mọi người qua lại, hoặc nằm ngồi. Tôi cũng vậy, đối với bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực thần thông lớn này; thấy tất cả chúng sanh lúc sanh, lúc chết, cõi lành, cõi ác. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà sanh vào địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thì vì nhân duyên chánh kiến này, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên cõi trời.

“Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ tôi tu tập, tu tập nhiều, nên thành tựu được oai đức, oai lực, thần thông lớn này.”

Hai vị Tôn giả bàn luận xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

KINH 540. SỞ HOAN (1)¹⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm¹¹, nước Xá-vệ, thân bị bệnh khổ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả A-na-luật, bệnh của Tôn giả nặng hay nhẹ, có chịu đựng được không? Bệnh giảm dần dần, không tăng thêm chăng?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Bệnh tôi không yên, thật là khó chịu đựng, đau đớn toàn thân, càng lúc nặng thêm, không bớt.”

Rồi Tôn giả nói ba thí dụ như kinh Sai-ma¹² ở trên đã nói; rồi tiếp:

“Dù thân tôi bị đau đớn như thế này, nhưng tôi vẫn chịu đựng được, với chánh niệm, chánh tri.”

^{10.} S.52.10 Bāḥagilāna (bệnh nặng).

^{11.} Bản Pāli: Andhavana (Âm lâm, khu rừng tối).

^{12.} Kinh số 103, quyển 5.

Các Tỳ-kheo hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tâm an trụ ở chỗ nào mà có thể chịu đựng được cái khổ lớn như vậy với chánh niệm, chánh tri?”

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

“Tâm trụ bốn Niệm xứ nên mỗi khi tôi cử động, thân thể dù có bị đau đớn, cũng có thể chịu đựng được với chánh niệm, chánh tri. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm xứ, có thể chịu đựng tất cả mọi đau đớn nơi thân, với chánh niệm, chánh tri.”

Các Tôn giả cùng nhau bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**
*

KINH 541. SỞ HOẠN (2)¹³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật đang ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ, bệnh mới vừa giảm bớt chưa bao lâu.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tôn giả có được an ổn, cảm thấy an lạc¹⁴ không?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Tôi được an ổn, cảm thấy an lạc. Các thứ đau đớn nơi thân thể đều đã bớt dần.”

Các Tỳ-kheo lại hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Tâm trụ ở chỗ nào mà những đau nhức của thân dần dần được an ổn?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“An trụ bốn Niệm xứ, nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Đó gọi là trụ bốn Niệm

¹³. Như kinh trên.

¹⁴. Hán: lạc trú 樂 住. Pāli: sukkhavihāra.

xứ. Do an trú bốn Niệm xứ này nên những đau nhức của thân dần dần được an ổn."

Các Tôn giả bàn luận xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

**

KINH 542. HỮU HỌC LÂU TẬN¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm¹⁶, nước Xá-vệ. Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học¹⁷ mà hướng thượng muốn cầu an trú Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?'"

Tôn giả A-na-luật bảo các Tỳ-kheo:

"Nếu Tỳ-kheo còn ở địa vị hữu học mà hướng thượng muốn cầu an trú Niết-bàn an ổn; Thánh đệ tử tu tập, tu tập nhiều như thế nào để ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa. Hãy an trú nơi bốn Niệm xứ. Những gì là bốn Niệm xứ? Đó là, niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán thọ, tâm, pháp. Tu tập bốn Niệm xứ như vậy, tu tập nhiều, ở trong pháp luật này có thể dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: 'Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.'"

^{15.} S.52.4 Kaṇṭaki (tên khu rừng, có nhiều gai).

^{16.} Bản Pāli: Sākete Kaṇṭakivane, trong rừng Kaṇṭaki, Sāketa.

^{17.} Học địa 地. Pāli: sekhabhūmi.

Các Tỳ-kheo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

**
*

KINH 543. A-LA-HÁN TỲ-KHEO¹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

Lúc ấy, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Nếu Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, lìa các kết sử hữu¹⁹, bằng chánh trí tâm khéo giải thoát, vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ chăng?”

Tôn giả A-na-luật trả lời các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào, các lậu đã dứt sạch, việc làm đã xong, đã trút bỏ gánh nặng, đã lìa các kết sử hữu, bằng chánh trí tâm khéo giải thoát; vị ấy cũng tu bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, hiện tại sống an lạc. Tại sao như thế? Vì tôi cũng đã lìa các hữu lậu, đã đắc quả A-la-hán, việc làm đã xong, tâm khéo giải thoát, cũng tu bốn Niệm xứ, để đắc những gì chưa đắc, chứng những gì chưa chứng, đến chỗ chưa đến,... cho đến hiện tại sống an lạc.”

Các Tôn giả bàn luận xong, đều tùy hỷ vui vẻ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy, ra đi.

**
*

KINH 544. HÀ CỐ XUẤT GIA²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ.

^{18.} Xem kinh trên.

^{19.} Hán: hữu kết 有 結 , Pāli: bhava-samjoyana.

^{20.} Vì sao xuất gia?

Lúc ấy, có nhiều chúng xuất gia ngoại đạo đến chỗ Tôn giả A-na-luật cùng nhau hỏi thăm sức khỏe, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-na-luật:

“Thưa Tôn giả, vì cớ gì Tôn giả xuất gia ở trong pháp của Sa-môn Cù-đàm?”

Tôn giả A-na-luật đáp:

“Vì để tu tập.”

Lại hỏi:

“Tu tập những gì?”

Đáp:

“Tu các căn, tu các lực, tu các giác phán, tu các niệm xứ. Các ông muốn nghe tu những gì?”

Lại hỏi:

“Căn, lực, giác phán, những danh tự ấy chúng tôi chưa biết; huống chi là lại hỏi nghĩa. Nhưng chúng tôi muốn nghe niệm xứ.”

Tôn giả A-na-luật bảo:

“Các ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, tôi sẽ vì các ông mà nói. Nếu Tỳ-kheo tu niệm xứ quán thân trên nội thân cho đến niệm xứ quán pháp trên pháp.”

Bấy giờ, chúng xuất gia ngoại đạo nghe Tôn giả A-na-luật nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**

KINH 545. HƯỚNG NIẾT-BÀN²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở tại tinh xá Tòng lâm, nước Xá-vệ. Khi ấy Tôn giả A-na-luật nói với các Tỳ-kheo:

“Ví như cây lớn sanh trưởng mà nghiêng xuống dưới, càng nghiêng sâu càng muốn đổ²². Nếu chặt rẽ nó, cây sẽ phải ngã, thuận

²¹. Pāli, S.52.8 Salaṅgāra (tinh xá Tòng lâm).

²². Hán: tùy tuấn tùy thâu 隨浚隨輸; nghĩa không rõ. Bản Pāli: gaṅgā nadī pācīnaninnā pācīnapoṇa pācīnapabbhārā, sông Hằng hướng về Đông, xuôi về Đông, đổ về Đông.

theo chiều nghiêng xuống. Cũng vậy, Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ, lâu ngày nhấm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến viễn ly, nhấm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến giải thoát; nhấm thẳng tới, đào sâu, vận chuyển, hướng đến Niết-bàn²³."

Tôn giả A-na-luật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì đã nói, hoan hỷ phụng hành.

**

KINH 546. THÁO QUÁN TRƯỢNG²⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê²⁵, xóm Bạt-lan-na²⁶. Lúc ấy có Phạm chí cầm gậy tháo quán²⁷, đến chô Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, thăm hỏi sức khỏe nhau, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Do nhân gì, duyên gì, vua tranh giành với vua, các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau?"

Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Phạm chí:

"Vì do bị trói buộc bởi tham dục²⁸ nên vua tranh giành với vua; các Bà-la-môn, cư sĩ tranh giành với nhau."

Phạm chí lại hỏi:

"Do nhân gì, duyên gì, những người xuất gia tranh giành nhau?"

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

²³. Pāli: cittam dīgharattam vivekaninnam vivekaponam vivekapabbhāram, "tâm thú lâu ngày hướng viễn ly, xu hướng viễn ly, khuynh hướng viễn ly".

²⁴. Án Thuận, "31. Tương ứng Đại Ca-chiên-diên", gồm các kinh Đại Chánh 546-555. – Đại Chánh kinh 546, Pāli: A.2.4.6 Ārāmadanda.

²⁵. Ô-nê tri 烏泥池 . Pāli: Kaddamadaha (ao bùn).

²⁶. Bạt-lan-na tụ lạc 跋蘭那聚落. Pāli: Varaṇā.

²⁷. Chấp tháo quán trượng phạm chí 執澡灌杖梵志; không rõ nghĩa (Phạm chí cầm gậy có treo bình nước rửa tay?). Chữ quán, bản Cao-ly 灌: tưới nước; bản Tống 盥: rửa tay; bản Nguyên-Thánh 罐: cái hũ. Pāli: Ārāmadanda brāhmaṇo.

²⁸. Tham dục hệ trước 貪欲繫著 . Pāli: kāmarāgābhinivesa, đam mê dục lạc.

“Vì do bị trói buộc bởi kiến dục²⁹ nên người xuất gia tranh giành với người xuất gia.”

Phạm chí lại hỏi:

“Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, có người nào lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này không?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Có, này Phạm chí, Đại Sư của tôi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, có thể lìa được sự ràng buộc của tham dục và lìa được sự ràng buộc của những kiến dục này.”

Phạm chí lại hỏi:

“Phật Thế Tôn hiện nay đang ở chỗ nào?”

Đáp:

“Đức Thế Tôn hiện tại đang ở giữa những người Ba-la-kỳ, nơi rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thành Xá vệ, nước Câu-tát-la.”

Bấy giờ, Phạm chí từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, trích vai áo bên hữu, gối phải quỳ sát đất, hướng về nơi ở của Phật chắp tay tán thán: ‘Nam-mô Phật! Nam-mô Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác có thể lìa mọi sự ràng buộc của tham dục, hoàn toàn xa lìa mọi sự trói buộc của tham dục và các kiến dục, sạch hết cội gốc.’

Bấy giờ, Phạm chí cầm gậy tháo quán nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 547. TÚC SĨ³⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên đang ở bên bờ ao Ô-nê thôn

²⁹. Kiến dục hệ trước 見 欲 繫 著 . Pāli: diṭṭhirāgābhinivesa, đam mê kiến giải.

³⁰. Người lớn tuổi. Pāli, A.2.4.7 Kandarāyana.

Bà-la-na³¹. Bấy giờ, cùng với số đông Tỳ-kheo tụ tập ở nhà ăn, vì việc thọ trì y. Lúc ấy, có Phạm chí chống gậy³² tuổi già, các cahn suy yếu, đến chõ nhà ăn, chống gậy đứng một bên. Sau một hồi im lặng, ông mới nói với các Tỳ-kheo:

“Này các Trưởng lão, tại sao các ông thấy người lớn tuổi, mà không chào hỏi, cung kính mời ngồi?”

Lúc đó, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ngồi trong chúng. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

“Theo pháp của chúng tôi, khi có người già cả đến, đều chào hỏi cung kính, lễ bái, mời ngồi.”

Phạm chí nói:

“Tôi thấy trong chúng này, không có ai già cả hơn tôi, mà chẳng có ai cung kính chào hỏi mời ngồi. Thế sao ông nói rằng theo pháp của ông, nếu thấy có người lớn tuổi thì đều cung kính lễ bái mời ngồi?”

Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Này Phạm chí, nếu có người nào già cả đến tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, mà chỉ thành tựu được pháp thiếu niêm, thì người này chẳng phải là bậc tôn túc³³. Ngược lại, tuy là người tuổi trẻ khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, hoàn toàn đẹp đẽ, mà thành tựu được pháp của bậc cao niêm, thì được kể vào hàng tôn túc.”

Phạm chí hỏi:

“Tại sao gọi là người tám mươi, chín mươi tuổi, tóc bạc răng rụng, lại thành tựu pháp thiếu niêm, còn người trẻ tuổi khoảng hai mươi lăm, da trắng tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ, lại được kể vào hàng tôn túc?”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo Phạm chí:

“Có năm phẩm chất của dục, đó là sắc được nhận thức bởi mắt, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ; tiếng được nhận thức bởi tai;

³¹. Bà-la-na 婆 罗 那; xem cht.25, 26, kinh 546. Pāli: Madhurāyam Gundāvane, trong rừng Gundā, vương quốc Madhura.

³². Chấp trưởng phạm chí 執 杖 梵 志. Pāli: Bà-la-môn Kaṇḍarāyana.

³³. Hán: túc sī 宿士. Pāli: atha kho bālo na therotveva saṅkhyam gacchati, “(người bị chi phối bởi dục vọng) người như vậy được gọi là người ngu, chứ không phải là Trưởng lão”. Pāli, bāla chỉ người ngu, cũng có nghĩa là con nít.

hương được nhận thức bởi mũi; vị được nhận thức bởi lưỡi; xúc được nhận thức bởi thân, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ nghĩ. Đối với năm phẩm chất của dục này, mà không lìa tham, không lìa dục, không lìa ái, không lìa niệm tưởng, không lìa khát vọng, thì này Phạm chí, nếu người nào như vậy, thì dù tám mươi chín mươi tuổi, tóc bạc, răng rụng, cũng gọi đó là thành tựu được pháp thiếu niên. Còn người tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng đối với năm phẩm chất của dục này, mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa niệm tưởng, lìa khát vọng. Người như vậy, tuy tuổi mới hai mươi lăm, da trắng, tóc đen, khỏe mạnh, đẹp đẽ nhưng thành tựu được pháp của bậc lão nhân thì được kể vào hàng tôn túc.”

Bấy giờ, Phạm chí mới nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như ý nghĩa Tôn giả đã nói, nếu tự xét lại mình thì tuy tôi đã già mà lại nhỏ, còn các vị tuy trẻ tuổi mà đã thành tựu được pháp của bậc cao niên.

“Thưa Tôn giả, thế gian bận nhiều việc, tôi xin cáo từ.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Này Phạm chí, ông tự biết đúng thời.”

Phạm chí nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ, vui mừng rồi trở về nhà mình.

**
*

KINH 548. MA-THÂU-LA³⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong rừng rậm³⁵. Lúc ấy, quốc vương nước Ma-thâu-la là Tây Phương vương tử³⁶ đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, đánh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Người Bà-la-môn tự nói, ta là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Ta là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-

³⁴. Pāli, M.84 Madhura-sutta.

³⁵. Trù lâm 稠林. Pāli: Madhurāyām Gundāvane.

³⁶. Tây Phương vương tử 西方王子. Pāli, vua nước Madhurā tên là Avantiputta.

la-môn. Chính con Phạm thiên³⁷ từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên³⁸, nên chúng là sở hữu của Phạm thiên. Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghĩa này thế nào?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói với vua Ma-thâu-la:

"Đại vương, đây chỉ là ngôn thuyết của thế gian³⁹. Người thế gian cho rằng Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Đại vương nên biết, nghiệp là chân thật; điều đó căn cứ vào nghiệp."

Vua nói với Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Đó là những lời nói sơ lược, tôi không hiểu rõ. Xin giải thích phân biệt lại cho."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Bây giờ, tôi sẽ hỏi Đại vương, tùy theo câu hỏi mà Đại vương trả lời."

Tôn giả liền hỏi:

"Thưa Đại vương, ngài là vua Bà-la-môn⁴⁰, nơi đất nước của mình có bốn hạng người này là Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ, đều được gọi đến. Ngài dùng tiền của, thế lực khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước ngủ sau và các mệnh lệnh được chấp hành, tất cả đều được như ý mình không?"

Vua đáp:

"Như ý."

Tôn giả lại hỏi:

"Tâu Đại vương, Sát-đế-lợi là vua, cư sĩ là vua, gia chủ là vua⁴¹. Nếu tại đất nước của mình có bốn chủng tánh, đều được gọi đến. Nhà vua dùng của cải, thế lực, khiến họ hầu cận phòng vệ, họ dậy trước

³⁷. Bản Hán: Bà-la-môn tử 婆羅門子; không phân biệt brahma (Phạm thiên) với brāhmaṇa (Bà-la-môn).

³⁸. Bản Hán: thị Bà-la-môn sở hữu 是婆羅門所有. Pāli: brahmadāyādā.

³⁹. Pāli: ghosoyeva kho eso, mahāraja, lokasmiṇ, đó chỉ là tiếng chào xáo trong đời.

⁴⁰. Nên hiểu, "nếu người Bà-la-môn làm vua". So sánh các đoạn dưới.

⁴¹. Nên hiểu, "nếu người Sát-đế-lợi (...) làm vua".

ngủ sau và vua ra lệnh làm các việc, thì có được như ý vua không?"

Vua đáp:

"Như ý."

"Thưa Đại vương, như vậy bốn chủng tánh này, tất cả đều bình đẳng có sai biệt nào. Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này tất cả đều bình đẳng, không có sự sai biệt nào hoặc hơn hay bằng."

Vua Ma-thâu-la bạch Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thưa Tôn giả đúng như vậy, bốn chủng tánh này đều bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng."

"Cho nên, Đại vương nên biết, bốn chủng tánh này theo ngôn thuyết của thế gian là có sai khác, cho đến, căn cứ vào nghiệp, chân thật chứ không sai khác."

"Lại nữa, Đại vương trong đất nước này, nếu dòng Bà-la-môn có người trộm cắp thì nên hành xử như thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Trong dòng Bà-la-môn nếu có người nào trộm cắp thì sẽ bị đánh bằng roi, bị trói, hoặc bị đuổi ra khỏi nước, hoặc phạt tiền của, hoặc bị chặt tay chân, xẻo tai mũi; nếu là tội nặng thì sẽ bị giết chết. Kẻ trộm đó dù là dòng Bà-la-môn cũng gọi là giặc."

Lại hỏi:

"Thưa Đại vương, nếu trong dòng Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ có kẻ trộm cắp, thì phải làm thế nào?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Cũng bị phạt đánh roi, bị trói, bị đuổi ra khỏi nước, cũng phạt tiền của, bị chặt tay, chân, xẻo tai, mũi; nếu tội nặng thì bị giết chết."

"Như vậy, thưa Đại vương, há không phải bốn chủng tánh đều bình đẳng sao? Hay có sự sai khác nào chăng?"

Vua thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Ý nghĩa của chúng là như vậy. Thật ra không có bất cứ một sai biệt nào dù là hơn hay là bằng."

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên lại nói với vua:

"Đại vương nên biết, về bốn chủng tánh này, ngôn thuyết của thế gian nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiêng sanh, từ miệng sanh ra; được

hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Há không phải là y cứ vào nghiệp, chân thật y cứ vào nghiệp chăng?”

Lại hỏi:

“Đại vương, nếu người Bà-la-môn sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ác, hai lưỡi, nói thêu dệt, tham, nhuế, tà kiến, tạo mười nghiệp đạo bất thiện thì sẽ sanh vào cõi ác hay cõi lành? Từ nơi vị A-la-hán⁴² vua đã nghe được những gì?”

Vua thừa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Bà-la-môn tạo mười nghiệp đạo bất thiện sẽ đọa vào đường ác. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.

Lại hỏi:

“Thưa Đại vương, nếu Bà-la-môn nào làm mười nghiệp đạo lành, xa lìa sát sanh cho đến chánh kiến thì sẽ sanh vào nơi nào? Cõi lành hay cõi ác? Từ nơi vị A-la-hán vua đã nghe được những gì?”

Vua thừa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Nếu Bà-la-môn làm mười nghiệp đạo lành thì sẽ sanh vào cõi lành. Từ nơi A-la-hán tôi nghe như vậy. Sát-đế-lợi, cư sĩ, gia chủ cũng nói như vậy.”

Lại hỏi:

“Thế nào Đại vương, bốn chủng tính như vậy, là có bình đẳng không, hay có gì sai biệt dù là hơn hoặc là bằng?”

Vua thừa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Theo nghĩa như vậy thì là bình đẳng, không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng.”

“Cho nên Đại vương nên biết, bốn chủng tính này đều bình đẳng không có gì sai biệt dù là hơn hay là bằng. Theo ngôn thuyết thế gian mà nói, Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra; được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nên biết là do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.

⁴². A-la-ha 阿 羅 呵. Pāli: ārahā, tức A-la-hán; ở đây chỉ chung các bậc Thánh được tôn sùng, không phải riêng A-la-hán trong hàng Thanh văn của Phật.

Vua thura Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Thật đúng như những gì đã nói đó, tất cả đều ngôn thuyết của thế gian nên nói Bà-la-môn là nhất, kẻ khác là thấp hèn. Bà-la-môn là trắng, kẻ khác là đen. Bà-la-môn là thanh tịnh, chứ không phải phi Bà-la-môn. Chính Bà-la-môn được Phạm thiên sanh, từ miệng sanh ra, được hóa sanh từ Phạm thiên, là thừa tự của Phạm thiên. Nhưng đều do nghiệp là chân thật, là y cứ vào nghiệp.”

Vua Ma-thâu-la nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ vui mừng làm lễ rồi đi.

**
*

KINH 549. CA-LÊ⁴³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong tinh xá Câu-la-la-tra, nước A-bàn-đề⁴⁴.

Sáng sớm, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đắp y, mang bát, vào⁴⁵ Câu-la-la-tra, tuần tự đi khất thực, đến nhà Ưu-bà-di Ca-lê-ca⁴⁶.

Khi ấy, Ưu-bà-di trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, liền sửa soạn chỗ ngồi, rồi mời ngồi, đánh lẽ dưới chân Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên xong, đứng lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như những gì Đức Thế Tôn đã dạy, trả lời câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa⁴⁷. Thế Tôn đã nói trong bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

⁴³. Pāli, A.10.26 Kālī.

⁴⁴. A-bàn-đề quốc Câu-la-la-tra tinh xá 阿槃提國拘羅羅吒精舍. Pāli: Avantīsu Kuraraghare pavatte pabbate, trong thị trấn Kuraraghara, vương quốc Avanti, trong núi Pavatta.

⁴⁵. Hán: nhập 入. Có sự nhầm lẫn về địa danh trong bản Hán.

⁴⁶. Ca-lê-ca 迦梨迦. Pāli: Kuraragharikā Kālī, vợ của người thợ săn chim ưng (?). Bản Pāli: Ưu-bà-di Kālī đi đến chỗ Tôn giả.

⁴⁷. Tăng-kỳ-đa đồng nữ sở vấn 僧耆多童女所問. Pāli: Kumāripañha, “những câu hỏi của Đồng nữ”, chỉ các con gái của Mara, trong kinh S.4.25 Dhitaro.

*Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn⁴⁸.
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu⁴⁹.
Một mình, chuyên thiền tú,
Nếm Thiên lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Các bạn bè thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.*

“Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, bài kệ này của Thế Tôn, ý nghĩa như thế nào?

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời Ưu-bà-di:

“Này chí, có một Sa-môn Bà-la-môn nói: Biến xứ định về đất⁵⁰; không còn gì hơn đây để cầu mong quả này⁵¹. Ngày chí, nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với biến xứ định về đất, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy được căn bản của nó⁵², thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được cội gốc, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân thật tại tâm, tuy tịch diệt nhưng không loạn.

Này chí, cũng vậy biến xứ định về nước, biến xứ định về lửa, biến xứ định về gió, biến xứ định về màu xanh, biến xứ định về màu

⁴⁸. Hán: thật nghĩa tồn ư tâm, tịch diệt nhì bất loạn 實義存於心，寂滅而不亂. Pāli: athassa pattiṃ hadayassa santiṃ, đạt đến mục đích (ý nghĩa) và sự tịch tĩnh của tâm.

⁴⁹. Pāli: jetva senaṇī piyasātarūpaṇī, hàng phục quân đội sắc khả ái, khả hỷ.

⁵⁰. Hán: địa nhất thiết nhập xứ chánh thọ 地一切入處正受: môn chánh thọ (tập trung tư tưởng) có để mục là nhất thiết nhập (hay biến xứ: tập trung trên tinh phồ biến của đối tượng) với đối tượng là đất, một trong mười đối tượng của để mục thiền định biến xứ. Pāli: paṭhavī-kasiṇa-samāpatti.

⁵¹. Pāli: paṭhavīkasiṇasamāpattiparamā kho bhaginī eke samaṇabrahmaṇā attho' ti abhinibbatteṣu, “Một số Sa-môn, Bà-la-môn cho rằng địa biến xứ định là mục đích (ý nghĩa) tối thượng”.

⁵². Đây chỉ vị ngọt của định. Pāli: assāda.

vàng, biến xứ định về màu đỏ, biến xứ định về màu trắng; biến xứ định về hư không, biến xứ định về thức là tối thượng để cầu mong quả này.

Này chí, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào cho đến, biến xứ định về thức, mà được thanh tịnh trong sáng, thì sẽ thấy căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy được con đường đưa đến sự diệt tận. Vì thấy được căn bản, thấy được sự tai hại, thấy được sự diệt tận, thấy con đường đưa đến sự diệt tận, nên đạt được nghĩa chân tại tâm, tịch diệt mà không loạn, khéo thấy, khéo nhập. Cho nên, Thế Tôn trả lời bài kệ những câu hỏi của đồng nữ Tăng-kỳ-đa:

*Thật nghĩa ở tại tâm,
Tịch diệt mà không loạn.
Hàng phục quân dũng mãnh,
Sắc đẹp đẽ đáng yêu.
Một mình, chuyên thiên tử,
Nếm Thiên lạc vi diệu,
Đó gọi là xa lìa,
Bạn bè của thế gian.
Các bạn bè thế gian,
Không gần gũi ta được.*

“Này chí, vì tôi hiểu Thế Tôn bằng ý nghĩa như vậy mà nói kệ như vậy.”

Ưu-bà-di thưa:

“Lành thay Tôn giả! Tôn giả đã nói nghĩa chân thật. Xin Tôn giả nhận lời mời thọ trai của con.”

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên im lặng nhận lời.

Ưu-bà-di Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã nhận lời mời rồi, liền sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống ngon lành, cung kính tôn trọng, tự tay dâng thức ăn. Khi Ca-lê-ca biết Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đã thọ thực, rửa bát, súc miệng xong, liền sửa soạn một chỗ ngồi thấp trước Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cung kính nghe pháp. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên vì nữ cư sĩ mà nói các pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, khiến cho hoan hỷ, sau đó Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

KINH 550. LY⁵³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cũng ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo:

“Phật Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, là bậc Kiến giả⁵⁴, nói sáu pháp ra khỏi chỗ khổ, đạt đến chỗ thù thắng, nói nhất thừa đạo khiến cho chúng sanh được thanh tịnh, lìa mọi sự khổ não, dứt hết lo buồn, được pháp chân như⁵⁵. Sáu pháp ấy là gì? Đó là, Thánh đệ tử niêm tưởng pháp sở hành của Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là pháp sở hành thanh niêm⁵⁶: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thánh đệ tử do niêm pháp sở hành của Như Lai, nên lìa giác tưởng tham dục, lìa giác tưởng sân nhuế, lìa giác tưởng nạo hại⁵⁷. Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niêm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ nhất ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niêm tưởng Chánh pháp, niêm: Pháp

⁵³. Pāli, A.6.26 Kaccāna.

⁵⁴. Hán: sở tri sở kiến 所 知 所 見. Pāli: jānatā passata, danh từ tác nhân; bản Hán hiểu là phân tử quá khứ.

⁵⁵. Pāli: nāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikitiyāya, để đạt chánh lý, chứng Niết-bàn.

⁵⁶. Nguyên bản: tịnh 淨 . Theo đoạn dưới, sửa lại là niêm 念 .

⁵⁷. Tham dục giác, sân nhuế giác, hại giác 貪 欲 覺, 暢 跐 覺, 害 覺 ; tức ba bất thiện tâm. Pāli: tayo akusala-vitakkā: kāma-vitakko, vyāpāda-, vihiṃsa-vitakko.

luật hiện tại của Thế Tôn⁵⁸, lìa mọi nhiệt nǎo, phi thời gian, thông suốt, thấy ngay trong hiện tại, duyên tự mình mà giác ngộ⁵⁹. Lúc Thánh đệ tử niêm Chánh pháp, không khởi giác tưởng tham dục, giác tưởng sân nhuế, nǎo hại. Như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ hai ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ nǎo, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niêm Tăng pháp là bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng; tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-dà-hoàn, đắc quả Tu-dà-hoàn; hướng Tư-dà-hàm, đắc quả Tư-dà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước diền Vô thượng của thế gian, là nơi xứng đáng cúng dường, cung kính, lễ bái⁶⁰. Khi Thánh đệ tử niêm Tăng, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, nǎo hại, như vậy, Thánh đệ tử thoát khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ ba ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù

^{58.} Dịch sát Hán: *Thế Tôn hiện tại pháp luật* 世 尊 現 在 法 律 . Bản Hán hiểu sai. Văn chuẩn theo Huyền Trang: *Phật chánh pháp (thiện thuyết) hiện kiến* 佛 正 法 (善 說.) 現 見 : Chánh pháp của Phật (được khéo thuyết), chứng nghiệm ngay trong hiện tại. Pāli: (svākkhato) bhagavato dhammo sanditthiko. Xem cht. dưới.

^{59.} Văn chuẩn định cú về niệm pháp (Huyền Trang, Pháp Uẩn Túc Luận 3): “Phật Chánh pháp thiện thuyết, hiện kiến, vô nhiệt, ứng thời, dẫn đạo, cận quán, trí giả nội chứng”. Pāli: svākkhāto bhagavatā dhammo sanditthiko akāliko ehipassiko opnanāyiko paccattam veditabbo viññūhitī.

^{60.} Văn chuẩn định cú về niệm Tăng, xem Pháp uẩn, đã dẫn trên.

thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Giới đức, niêm: Giới không khuyết, giới không vỡ, giới thuần hậu, giới không lìa, giới không trộm lấy⁶¹, giới khéo rốt ráo, giới đáng khen ngợi, giới mà bậc phạm hạnh không ghét bỏ. Nếu Thánh đệ tử khi niệm giới, tự nhớ nghĩ những giới đã được thành tựu trong thân, ngay lúc ấy không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy là Thánh đệ tử đã ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si, an trú chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ tư ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử niệm Thí pháp⁶², tâm tự vui mừng: Nay ta đã lìa cầu uế xan tham; dù là tại gia mà tâm bố thí với sự giải thoát, thường thí, xả thí, vui thí, thành tựu sự bố thí, bố thí bình đẳng. Nếu Thánh đệ tử khi niệm thí pháp mà tự mình bố thí, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, não hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trú chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử luôn niệm Thiên đức⁶³, niêm: Tứ vương thiên, Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-dà thiên, Hóa

⁶¹. Phi đạo thủ giới 非 盜 取 戒 . Pāli: bhujssāni (silāni): nô lệ được giải phóng, tự do; (giới) tự tại.

⁶². Pāli: cāga, huệ thí, thí xả, từ thiện bố thí.

⁶³. Pāli: devatānussati, niệm tưởng chư Thiên.

lạc thiêng, Tha hóa tự tại thiêng, với tín tâm thanh tịnh, khi mạng chung ở nơi nay sẽ sanh lên các cõi trời. Ta cũng như vậy, với tín, giới, thí, văn, tuệ, mạng chung ở nơi này sẽ được sanh lên các cõi trời. Như vậy, khi Thánh đệ tử niệm công đức chư Thiên, không khởi giác tưởng tham dục, sân nhuế, nãy hại, thì như vậy, Thánh đệ tử ra khỏi tâm nhiễm trước. Tâm nhiễm trước là gì? Đó là năm phẩm chất của dục. Nếu đối với năm phẩm chất của dục này mà lìa tham, nhuế, si và an trụ chánh niệm, chánh trí, nương theo trực đạo, tu tập niệm Phật, chân chánh hướng thẳng đến Niết-bàn. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói nhất thừa đạo thứ năm ra khỏi khổ, đạt đến chỗ thù thắng, khiến chúng sanh được thanh tịnh, lìa khỏi mọi khổ não, diệt hết mọi lo buồn, được pháp như thật.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 551. HA-LÊ (1)⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở tại tinh xá họ Thích trong thôn Ha-lê.

Bấy giờ trưởng giả Ha-lê Tụ lạc⁶⁵ đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như bài kệ Thế Tôn trả lời những câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm⁶⁶:

*Đoạn tất cả các dòng,
Lấp kín nguồn nước chảy;*

^{64.} Pāli: S.22.3 Hāliddikāni.

^{65.} Ha-lê Tụ lạc trưởng giả 詞梨聚落長者, Ha-lê tụ lạc chủ; xem kinh tiếp theo. Pāli: Hāliddikāni-gahapati.

^{66.} Pāli: aṭṭhakavaggiye māgandiyapañhe, trong kinh Những câu hỏi của Māgandiya, phẩm thứ 8 (Suttanipāta).

*Sống thân cận làng xóm,
Mâu ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng.
Quyết không đây trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.*

Thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, kệ này có ý nghĩa gì?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên trả lời gia chủ:

"Con mắt là dòng chảy. Tham phát khởi bởi thức con mắt. Nương vào giới con mắt mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy⁶⁷. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý là dòng chảy tham phát khởi bởi ý thức. Nương vào ý giới mà tham dục chảy trào ra, nên gọi là dòng chảy."

Gia chủ lại hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

"Thế nào gọi là không chảy trào ra⁶⁸?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Thức của con mắt; ái và hỷ y trên sắc được nhận thức bởi mắt mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; là ý thức; tham dục y trên pháp được nhận thức bởi ý mà phát sanh, nếu chúng dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, thì đó gọi là không chảy trào ra."

Lại hỏi:

"Thế nào là nguồn⁶⁹?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

"Duyên con mắt và sắc sanh ra thức con mắt. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ, hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Từ đó phát xuất dòng nhiễm trước. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý; ý thức, ý thức pháp, cả ba hòa hợp sanh ra xúc. Duyên xúc sanh cảm thọ,

^{67.} Hán: lưu 流. Pāli: rūpadhātu gahapati viññāṇassa oko, rūpadhāturāgavinibaddhañca pana viññāṇam okasārīti vuccati, "Sắc giới là nhà của thức. Thức bị trói buộc bởi sắc giới tham được gọi là người ở trọ nhà". Bản Hán đọc ogo (dòng chảy) thay vì oko (nhà).

^{68.} Bất lưu 不流. Pāli: anokasārī, người không ở trọ. Xem cht. trên.

^{69.} Lưu nguyên 流源. Pāli: niketasārī, tiêu tướng của trú xứ.

hoặc thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc. Dòng ái hỷ y nơi thọ này phát xuất, đó gọi là nguồn của dòng.”

“Thế nào là lấp nguồn của dòng này?”

“Sự hệ lụy do giới con mắt tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng. Sự hệ lụy do tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp nhận cảnh giới tâm pháp; nếu sự hệ lụy này dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch tĩnh, tịch diệt, đó gọi là lấp nguồn của dòng.”

Lại hỏi:

“Thế nào là thân cận, tán thán nhau?”⁷⁰

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đáp:

“Tại gia, xuất gia thân cận nhau, cùng mừng, cùng lo, cùng vui, cùng khổ, việc gì cũng đều làm chung; đó gọi là thân cận, tán thán nhau.”

Lại hỏi:

“Thế nào là không khen ngợi?”⁷¹

“Là tại gia, xuất gia không cùng thân cận, không cùng mừng, không cùng lo, không cùng khổ, không cùng vui; phàm làm việc gì cũng đều không cùng nhau vui vẻ tán thành; đó gọi là không khen ngợi.”

“Thế nào dục không trống không?”⁷²

“Có năm phẩm chất của dục; sắc được nhận thức bởi mắt, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Tiếng bởi tai, hương bởi mũi đối với hương, vị bởi lưỡi đối với vị, xúc bởi thân đối với xúc, đáng ưa, đáng thích, đáng nghĩ nhớ, đắm trước sâu, nuôi lớn dục. Đối với năm dục này mà không lìa tham, không lìa ái, không lìa nhớ nghĩ, không lìa khao khát, thì đó gọi là dục không trống không.”

“Thế nào gọi là dục trống không?”

“Là đối với năm dục này mà lìa tham, lìa dục, lìa ái, lìa nhớ nghĩ,

^{70.} Pāli: kathāṃ ca gāme santhavajāto hoti, “Thế nào là sự hòa thuận trong thôn xóm?”

^{71.} Bản Pāli: “Thế nào là không gần gũi xóm làng?”

^{72.} Bất không dục 不 空 欲 . Pāli: kāmehi arutto, chưa dọn sạch các dục.

lìa khát khao, thì đó gọi là dục trống không.”

“Nói bị hệ lụy trói buộc bởi ngã, đó là khi tâm pháp trở lại đầy⁷³.

“Vị Tỳ-kheo A-la-hán kia, đã đoạn tận các lậu, cắt đứt gốc rễ của chúng, như chặt đứt ngọn cây đa-la, đời vị lai sẽ không sanh trở lại nữa, thì làm sao lại cùng với kẻ khác tranh tụng.

“Cho nên, Thế Tôn trả lời câu hỏi của Ma-kiền-đề trong kinh Nghĩa phẩm bằng bài kệ:

*Đoạn tất cả các dòng,
Lấp kín nguồn nước chảy;
Sống thân cận làng xóm,
Mâu-ni không khen ngợi.
Năm dục đã trống rỗng,
Quyết không đầy trở lại;
Lời tranh tụng thế gian,
Chung cuộc không xảy nữa.*

Đó gọi là sự phân biệt nghĩa lý bài kệ mà Như Lai đã nói.”

Bấy giờ, gia chủ Ha-lê Tụ lạc khi nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ rồi ra về.

**

KINH 552. HA-LÊ (2)⁷⁴

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vị gia chủ thôn chủ Ha-lê⁷⁵ đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đánh lẽ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như lúc Đức Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói

^{73.} Giải thích câu tụng 6. Pāli: kathañca... apurakkharāno hoti, thế nào là không ước vọng?

^{74.} S.22.4 Hāliḍdikāni.

^{75.} Xem cht.65, kinh 551.

với Thiên đế Thích⁷⁶ rằng: ‘Này Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự diệt tận ái⁷⁷, tâm khéo chân chánh giải thoát, rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh’. Làm thế nào mà ở trong pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?’

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Con mắt, thức con mắt, sắc được nhận thức bởi con mắt, nương nhau sanh hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Tai, mắt, lưỡi, thân, ý, ý thức; pháp được nhận thức bởi ý nhau sanh ra hỷ. Nếu hỷ này đoạn tận, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ngay trong Pháp luật này sẽ đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh.”

Gia chủ thôn chủ Ha-lê, sau khi nghe lời chỉ dạy của Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

**

KINH 553. HA-LÊ (3)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở tại tinh xá của họ Thích trong thôn Ha-lê. Vì gia chủ thôn chủ Ha-lê đi đến chỗ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên cúi đầu đánh lễ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Như khi Thế Tôn ở trong hang đá núi Giới cách đã nói với Đế Thích rằng: Ngày Kiều-thi-ca, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào mà giải thoát vô thượng với sự dứt sạch ái, tâm khéo chân chánh giải thoát, đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối

⁷⁶. Nguyên Hán: 於界隔山天帝釋石窟說言. Xem kinh 505. Pāli: Kurara ghare papāte pabbate, trên sườn núi gần thị trấn Kurara ghara.

⁷⁷. Ái tận giải thoát 愛盡解脫. Pāli: taṇhakkhayavimutti; Cf. M.37 Cūṭaṭaṇhāsaṅkhaya-suttam.

thanh tịnh. Làm thế nào mà ở trong Pháp luật này đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh?"

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

"Nếu Tỳ-kheo nào, đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi giới con mắt; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh. Đối với sự hệ lụy đắm trước nơi cảnh giới của tâm pháp được tiếp nhận bởi tai, mũi, lưỡi, thân, ý giới; sự hệ lụy ấy nếu đã dứt sạch, vô dục, diệt tận, tịch diệt, tĩnh chỉ, thì ở trong Pháp luật này mà đạt đến rốt ráo biên tế, rốt ráo vô cấu, cứu cánh phạm hạnh, tuyệt đối thanh tịnh."

Gia chủ thôn Ha-lê, nghe Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ ra về.

**
*

KINH 554. HA-LÊ (4)

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ chủ thôn Ha-lê mắc bệnh khổ. Sau khi nghe, vào buổi sáng sớm, đắp y mang bát vào thôn Ha-lê khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ thôn chủ Ha-lê. Gia chủ thôn chủ Ha-lê từ xa trông thấy Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, ông muốn rời chỗ nằm đứng dậy. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên thấy gia chủ muốn đứng dậy, liền bảo gia chủ:

"Gia chủ chờ đứng dậy! May còn có chỗ ngồi, tôi có thể tự ngồi nơi đó."

Tôn giả lại nói với gia chủ:

"Thế nào gia chủ, tật bệnh có chịu đựng được không? Mọi thứ đau đớn của thân thể có thuyên giảm không? Không tăng thêm chăng?"

Gia chủ đáp:

"Thưa Tôn giả, bệnh con rất khó nhẫn chịu. Những sự đau đớn

của thân thể càng tăng thêm, không bớt chút nào!”

Gia chủ liền nói ba thí dụ như kinh Xoa-ma Tỳ-kheo đã nói trước. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Cho nên ông nên tu tập bất hoại tịnh đối với Phật, tu tập bất hoại tịnh đối với Pháp, tu tập bất hoại tịnh đối với Tăng, tu tập và thành tựu Thánh giới. Nên học như vậy.”

Gia chủ đáp:

“Bốn Bất hoại tịnh như Đức Phật dạy con đã thành tựu được tất cả. Hiện tại con đã thành tựu Phật bất hoại tịnh, Pháp bất hoại tịnh, Tăng bất hoại tịnh và đã thành tựu Thánh giới.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Ông nên nương vào bốn pháp bất hoại tịnh này mà tu tập sáu pháp niệm. Nên niệm công đức Phật: Ngài là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Nên niệm công đức Pháp: Đối với Chánh pháp luật của Thế Tôn, ngay trong đời này, xa lìa các phiền não bức rức, pháp được thông đạt, phi thời gian, duyên tự mình mà giác ngộ. Nên niệm công đức Tăng: Bậc thiện xảo thú hướng, chân chánh thú hướng, trực chỉ thú hướng, bình đẳng thú hướng, tu hạnh tùy thuận, Đó là hướng Tu-dà-hoàn, đắc quả Tu-dà-hoàn; hướng Tư-dà-hàm, đắc quả Tư-dà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc quả A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc quả A-la-hán. Như vậy, bốn đôi, tám bậc, đó gọi là Tăng đệ tử của Thế Tôn, đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, là phước điền Vô thượng của thế gian, là nơi cúng dường, cung kính, lễ bái. Nên niệm công đức Giới: Tự giữ gìn chánh giới, không hủy, không khuyết, không vỡ, không nát, là giới chẳng trộm lấy⁷⁸, giới cứu cánh, giới đáng khen ngợi, giới phạm hạnh, giới không bị ghét bỏ. Nên niệm công đức Bố thí: Tự mình nghĩ đến bố thí, tự tâm cảm thấy hân hoan, xả bỏ keo kiệt, tham lam; tuy ở tại gia nhưng tâm bố thí giải thoát, thường bố thí, vui vẻ bố thí, bố thí đầy đủ, bố thí bình đẳng. Nên niệm công đức chư Thiên: Niệm trời Tứ vương, trời Tam thập tam, trời Diệm-ma, trời Đầu-suất-đà, trời

^{78.} Xem cht.61, kinh 550.

Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại. Chư Thiên này với tín và giới thanh tịnh, khi chết ở cõi này được sanh về trong các cõi kia. Ta cũng như vậy, nhờ tín, giới, trí, văn, tuệ thanh tịnh, nên được sanh về trong các cõi trời kia.

“Này gia chủ, như vậy nên biết nương vào bốn pháp Bất hoại tịnh và thêm sáu Niệm xứ nữa.”

Gia chủ thưa Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên:

“Bốn pháp Bất hoại tịnh và sáu Niệm xứ mà Đức Thế Tôn đã nói, ở đây, tất cả con đều thành tựu. Con đang tu tập niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên.

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên bảo gia chủ:

“Lành thay! Gia chủ có thể tự xác nhận là đắc quả A-na-hàm.”

Bấy giờ, gia chủ thưa:

“Mời Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên ở lại đây thọ trai.”

Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nhận lời mời. Gia chủ thôn chủ Ha-lê, biết Tôn giả đã nhận lời, liền sửa soạn đầy đủ đồ ăn thức uống ngon, tự tay cúng dường. Thọ trai xong, sau khi rửa bát, súc miệng, Tôn giả vì gia chủ nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, xong Tôn giả liền từ chối ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 555. HA-LÊ (5)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên đang ở trong thôn Ha-lê của họ Thích. Lúc đó có gia chủ ở Bát thành⁷⁹ tên là Đà-thí⁸⁰ thân bị bệnh khổ. Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên nghe gia chủ Đà-thí mắc bệnh, sáng sớm đắp y mang bát vào Bát thành khất thực, lần lượt đến nhà gia chủ Đà-thí. Như kinh gia chủ Ha-lê đã nói như vậy.

**
*

⁷⁹. Bát thành 八城. Pāli: Atṭhaka-nāgara.

⁸⁰. Đà-thí 陀施. Pāli: Dasama.

KINH 556. VÔ TƯỚNG TÂM TAM-MUỘI⁸¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong rừng An-thiền⁸² tại thành Sa-kỳ⁸³.

Bấy giờ số đông Tỳ-kheo-ni đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn liền vì các Tỳ-kheo-ni nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ. Khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Phật ngồi im lặng.

Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu vô tướng tâm tam-muội⁸⁴, không vọt lên, không chìm xuống⁸⁵, sau khi giải thoát rồi an trú, sau khi an trú rồi giải thoát; thì vô tướng tâm tam-muội này, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?”

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trú, sau khi an trú rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là trí quả, là trí công đức.”

Khi các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Sau đó các Tỳ-kheo-ni đi đến Tôn giả A-nan, cúi đầu đánh lỗ dưới chân Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả A-nan:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trú, sau khi an trú rồi giải thoát, thì vô tướng tâm tam-muội này là quả gì, công đức gì?”

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Này các tỳ muội, nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên,

⁸¹. Án Thuận, “33. Tương ứng A-nan”, gồm các kinh, Đại Chánh 556-565. –Đại Chánh kinh 556, không thấy Pāli tương đương.

⁸². An-thiền lâm 安 禪 林. Pāli: Añjanavana, khu rừng gần thị trấn Sāketa.

⁸³. Sa-kỳ 娑 祇. Pāli: Sāketa, thị trấn phuộc Kosala.

⁸⁴. Vô tướng tâm tam-muội 無 相 心 三昧; xem kinh 566, quyển 21. Pāli: animittā (ceto)samādhi.

⁸⁵. Hán: bất dũng bất một 不 勇 不 没. Pāli: (Yāyam samādhi) na cābhinato na cāpannato, (Định ấy) không căng lên, không chùn xuống.

không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát. Thế Tôn nói là trí quả, là trí công đức.”

Các Tỳ-kheo-ni đều nói:

“Lạ thay, Tôn giả A-nan! Đại Sư và đệ tử có cùng một câu nói, cùng một vị, cùng một nghĩa, tức là Đệ nhất cú nghĩa. Hôm nay các Tỳ-kheo-ni có đến chỗ Thế Tôn, đem câu nói như vậy, vị như vậy, nghĩa như vậy hỏi Thế Tôn. Thế Tôn cũng đã vì chúng con nói câu như vậy, vị như vậy và nghĩa như vậy, giống như những gì Tôn giả A-nan nói không khác. Cho nên thật là kỳ đặc, Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng vị và cùng nghĩa.”

Các Tỳ-kheo-ni sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, tất cả đều tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

**
*

KINH 557. XÀ-TRI-LA⁸⁶

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cù-sư-la⁸⁷, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở tại đó.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la⁸⁸ đến chỗ Tôn giả A-nan đánh lẽ, rồi ngồi lui qua một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống⁸⁹, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?”

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la:

“Nếu vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn dạy nó là trí quả, trí công đức.”

Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la khen ngợi:

⁸⁶. Pāli: A. ix. 37. Ānanda.

⁸⁷. Cù-sư-la viên 罪 師 羅 園. Pāli: Ghositārāma, tinh xá do Ghosita ở Kosambi dựng.

⁸⁸. Xà-tri-la Tỳ-kheo-ni 閻 知 羅 比 丘 尼. Pāli: Jaṭilā.

⁸⁹. Hán: bất dũng bất mệt 不 勇 不 没. Xem cht.85, kinh 556.

“Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, Đại Sư và đệ tử nói giống nhau cùng một câu, cùng một ý vị, cùng một nghĩa. Thưa Tôn giả A-nan, ngày trước, lúc Phật ở thành Sa-kỳ, trong rừng An-thiền, lúc đó, có nhiều Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Phật hỏi nghĩa này, Thế Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo-ni nghe nói câu như vậy, ý vị như vậy, nghĩa cũng như vậy. Cho nên biết là kỳ đặc: Đại Sư và đệ tử cùng nói một câu, cùng một ý và cùng một nghĩa. Đó gọi là Đệ nhất cú nghĩa.”

Sau khi Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la nghe những gì Tôn giả A-nan nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

Như Tỳ-kheo-ni Xà-tri-la đã hỏi, Tỳ-kheo-ni Ca-la-bat cũng hỏi như vậy.

**
*

KINH 558. Á-NAN⁹⁰

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia đạt được vô tướng tâm tam-muội, nghĩ rằng: “Ta hãy đến chỗ Tôn giả A-nan, hỏi Tôn giả, nếu Tỳ-kheo đạt được vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì? Nếu Tôn giả A-nan hỏi ta: ‘Tỳ-kheo, ông đã đạt vô tướng tâm tam-muội này phải không? Đáp, tôi chưa từng có’. Hỏi thật mà đáp khác đi. Ta sẽ theo sát Tôn giả A-nan, hoặc giả có người khác hỏi nghĩa này, nhờ đó mà ta được nghe.”

Tỳ-kheo này đi theo Tôn giả A-nan suốt sáu năm, mà không có ai hỏi đến nghĩa này, nên mới tự hỏi Tôn giả A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo hỏi vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?”

⁹⁰. Pāli, A.9.37 Ānanda.

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo này:

“Tỳ-kheo, ông đã đạt tam-muội này chưa?”

Tỳ-kheo này im lặng. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo này rằng:

“Nếu Tỳ-kheo đã đạt tâm vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trú, sau khi an trú rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức.”

Sau khi nghe Tôn giả A-nan nói pháp này xong, Tỳ-kheo tùy hỷ hoan hỷ, làm lễ mà lui.

TẠP A-HÀM QUYỂN 21

KINH 559. CA-MA¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ². Bấy giờ Tôn giả A-nan và Tôn giả Ca-ma³ cũng ở tại tinh xá Kê lâm⁴, nước Ba-la-lợi-phất-đố-lộ.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Ca-ma đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau chào hỏi xong, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-nan:

“Lạ thay! Thưa Tôn giả A-nan, có mắt, có sắc⁵; có tai, có âm thanh; có mũi, có mùi; có lưỡi, có vị; có thân, có xúc; có ý, có pháp. Nhưng có Tỳ-kheo có những pháp này mà lại không giác tri được. Vì sao, Tôn giả A-nan, Tỳ-kheo này vì có tưởng nên không giác tri được, hay vì không có tưởng nên không giác tri được?”

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-ma:

“Người có tưởng cũng không giác tri được, huống chi là người không có tưởng!”

Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Những gì là có tưởng, có pháp mà không giác tri được?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma:

“Nếu Tỳ-kheo nào ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc phát sanh do viễn ly, chứng và an trụ Sơ thiền; như vậy Tỳ-kheo có tưởng có pháp mà không giác tri. Cũng vậy, chứng và an trụ đệ Nhị thiền, đệ Tam thiền, đệ Tứ thiền, Không nhập xứ, Thức nhập xứ, Vô sở hữu nhập xứ. Như vậy Tỳ-kheo có tưởng có pháp mà không giác tri.”

“Thế nào là không có tưởng, có pháp mà không giác tri?”

¹. Đại Chánh quyển 21, kinh 559; Pāli, S.35.192 Kāmabhū.

². Ba-la-lợi-phất-đố-lộ 波羅利弗 婆路. Bản Pāli: Phật trú tại tinh xá Ghositārāma, Kosambi.

³. Ca-ma迦摩. Pāli: Kāmabhū.

⁴. Kê lâm tinh xá 雞林精舍. Pāli: Kukkuṭārāma? Bản Pāli: tinh xá Ghositārāma.

⁵. Bản Pāli, S.35.192: “Con mắt là hệ phược của sắc, hay sắc là hệ phược của con mắt?” Nội dung Hán và Pāli không đồng nhất.

“Tỳ-kheo như vậy không niêm tưởng hết thảy tưởng, thân tác chứng, thành tựu và an trú vô tưởng tâm tam-muội⁶; đó gọi là Tỳ-kheo không có tưởng, có pháp mà không giác tri.”

Tôn giả Ca-ma lại hỏi Tôn giả A-nan:

“Nếu Tỳ-kheo nào đạt được tâm vô tưởng tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đây là quả gì, công đức gì?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ca-ma:

“Nếu Tỳ-kheo nào đạt được tâm vô tưởng tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, giải thoát rồi an trụ, an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức⁷. ”

Hai vị Tôn giả cùng nhau bàn luận rồi tùy hỷ hoan hỷ, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

**
*

KINH 560. ĐỘ LUỢNG⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào tự xác nhận⁹ trước mặt tôi, tôi sẽ chào mừng ủy lạo rằng: Lành thay! Hoặc do suy cầu bốn đạo¹⁰. Những gì là bốn? Đó là, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi mà trụ tâm như vậy: Thiện xảo trụ tâm, cục bộ trụ tâm, điều phục tâm, nhất tâm bình đẳng mà tiếp thọ phân biệt chỉ quán, đối với pháp mà lượng độ, tu tập, tu tập nhiều rồi, dứt hết các sở. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt

⁶. Vô tưởng tam-muội 無想心三昧: tức vô tưởng tam-muội. Xem các kinh 556 và tiếp.

⁷. Xem kinh 556 trên.

⁸. Pāli, A.4.170 Yukanandha.

⁹. Tự ký thuyết 自記說. Bản Pāli: arahattapattiṃ vyākaroti, tự xác nhận đắc quả A-la-hán.

¹⁰. Bản Pāli: sabbo so catūhi aṅgehi etesam vā aññatarena, “(tự ký thuyết) bằng bốn chi, hay một trong bốn chi”.

tôi tự xác nhận, thì tôi ủ ý dụ: ‘Như vậy, lành thay!’ Hoặc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ nhất.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ngồi thẳng tư duy, đối với pháp tuyển trạch, tư lương mà trụ tâm: Thiện xảo trụ tâm, cục bộ trụ tâm, điều phục tâm, nhất tâm bình đẳng mà tiếp thọ chỉ quán. Như thế chánh hướng an trú nhiều, lìa được các sở. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt tôi tự xác nhận, thì tôi ủ ý dụ: ‘Như vậy, lành thay!’ Hoặc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ hai.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni bị nắm giữ bởi sự động loạn, vì để điều phục tâm mà ngồi, ngồi ngay ngắn trụ tâm: Thiện xảo trụ tâm, cục bộ trụ tâm, điều phục tâm, chỉ quán, nhất tâm bình đẳng mà tiếp thọ hóa¹¹. Như thế chánh hướng an trú nhiều, lìa được các sở. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt tôi tự xác nhận, thì tôi ủ ý dụ: ‘Như vậy, lành thay!’ Hoặc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ ba.

“Lại nữa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chỉ và quán hòa hợp, cả hai cùng thực hành, tác ý như thế mà chánh hướng an trú nhiều, thì sẽ dứt hết các sở. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trước mặt tôi tự xác nhận, thì tôi ủ ý dụ: ‘Như vậy, lành thay!’ Hoặc suy cầu điều này. Đó là đạo thứ tư¹².

Sau khi các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 561. BÀ-LA-MÔN¹³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, nước Câu-diêm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

¹¹. Hán: nhất tâm đẳng thọ hóa — 一心 等受化 ; không rõ nghĩa. Án Thuận cho là dư chữ hóa 化 .

¹². Bốn chi (Hán: tứ đạo 四道), bản Pāli: 1. samathapubbaṅgamāṇ vipassanām bhāveti, tu quán dẫn đầu bởi chi; 2. vipassanāpubbaṅgamāṇ samathaṇ bhāveti, tu chi với quán đi trước; 3. samathavipassanām yuganaddhaṇ bhāveti, chỉ quán song hành; 4. dhammaduddhaccaviggahitam mānasam hoti, tác ý để diệt trừ sự loạn động đối với pháp.

¹³. Pāli, S.51.15 Brāhmaṇa.

Lúc ấy, có Bà-la-môn đến chỗ Tôn giả A-nan cùng chào đón hỏi thăm, rồi ngồi lui sang một bên, hỏi Tôn giả A-nan:

“Vì sao Tôn giả ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh?”

Tôn giả A-nan trả lời Bà-la-môn:

“Vì đoạn trừ.”

Bà-la-môn ấy lại hỏi:

“Thưa Tôn giả, đoạn dứt cái gì?”

“Đoạn dứt ái.”¹⁴

“Thưa Tôn giả A-nan, y chỉ gì để đoạn dứt ái?”

“Này Bà-la-môn, y chỉ dục¹⁵ để đoạn dứt ái.”

“Thưa Tôn giả A-nan, há không phải không có biên tế¹⁶?”

“Này Bà-la-môn, không phải không có biên tế. Quả vậy, có biên tế, không phải không có biên tế.”

“Thưa Tôn giả A-nan, thế nào là có biên tế, không phải không có biên tế?”

“Này Bà-la-môn, nay tôi hỏi ông, tùy ý mà trả lời. Ông nghĩ thế nào, trước đây có ý dục đến tinh xá không?”

Bà-la-môn đáp:

“Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan!”

“Như thế, Bà-la-môn, sau khi đến tinh xá, dục kia dứt phải không?”

“Đúng vậy, thưa Tôn giả A-nan, kia tinh tấn, phương tiện, trù lượng mà đi đến tinh xá.”

Tôn giả A-nan lại hỏi:

“Sau khi đến tinh xá thì sự tinh tấn, phương tiện, trù lượng có dứt không?”

“Đúng vậy.”

Tôn giả A-nan lại nói với Bà-la-môn:

“Như thế, Bà-la-môn, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là

^{14.} Pāli: chandappahānattham, mục đích đoạn trừ dục.

^{15.} Bản Pāli: y chỉ dục tam-ma-dịa cần hành thần túc (chandasamādhi-padhāna-saṃkhāra-samannāgataṃ iddhipādaṃ). Tức tu bốn thần túc (iddhipāda).

^{16.} Pāli: “Lấy dục để đoạn dục, như thế thì không cùng tận (... santakam hoti no asantakam).

đắng Tri giả, Kiến giả, nói bốn Như ý túc, bằng nhứt thừa đoạn mà thanh tịnh chúng sanh, diệt khổ não, đoạn ưu bi. Những gì là bốn? Như ý túc được thành tựu với sự cần hành trên dục định¹⁷. Như ý túc được thành tựu với sự cần hành trên tinh tấn định, tâm định, tư duy định¹⁸. Như thế Thánh đệ tử tu dục định, đoạn tham ái, thành tựu bốn Như ý túc. Y xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y diệt, hướng đến xả đoạn dứt ái; tham ái dứt rồi, thì dục kia cũng dứt; tu tinh tấn định, tâm định, tư duy định, đoạn tham ái, thành tựu, y xa lìa, y vô dục, y giải thoát, y tịch diệt, hướng đến xả tham ái dứt sạch; ái dứt sạch rồi, tư duy định liền dứt.”

“Này Bà-la-môn, ý ông thế nào? Đây chẳng phải là biên tế chăng?”

Bà-la-môn thưa:

“Thưa Tôn giả A-nan, đây là biên tế chăng phải không biên tế.”

Bà-la-môn nghe Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi đi.

**
*

KINH 562. CÙ-SƯ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cù-sư-la, thuộc nước Câu-diệm-di. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó. Lúc ấy có trưởng giả Cù-sư-la đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu đánh lễ Tôn giả, rồi ngồi lui qua một bên, thưa Tôn giả A-nan:

“Thưa Tôn giả A-nan, thế nào gọi là vị thuyết pháp trong thế gian? Sao gọi là thiện hướng trong thế gian¹⁹? Sao gọi là thiện đáo trong thế gian²⁰? ”

Tôn giả A-nan bảo trưởng giả Cù-sư-la:

“Bây giờ, tôi hỏi ông, tùy ý đáp câu hỏi của tôi. Này Trưởng giả, ý ông nghĩ sao, nếu có vị thuyết pháp để điều phục tham dục, điều

¹⁷. Bốn Như ý túc, hay thần túc, xem cht.15, kinh 561.

¹⁸. Dục, tinh tấn định, tâm định, tư duy định; thứ tự này không đồng với các bản khác: dục, tâm, tinh tấn, tư duy. Pāli: chanda-samādhi-, citta-samādhi-, viriya-samādhi-, vīmaṇsā-samādhi.

¹⁹. Thế gian thiện hướng; xem cht.11, kinh 490(2).

²⁰. Thế gian thiện đáo; chỗ khác: thế gian thiện thệ. Xem cht.12, kinh 490(2).

phục sân nhuế, điều phục ngu si, được gọi là vị thuyết pháp trong thế gian không?"

Trưởng giả đáp:

"Thưa Tôn giả A-nan, nếu có vị thuyết pháp để điều phục tham dục, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si, vị ấy được gọi là vị thuyết pháp trong thế gian."

Tôn giả A-nan lại hỏi trưởng giả:

"Ý ông nghĩ sao, nếu trong đời có vị hướng đến điều phục tham dục, điều phục sân nhuế, điều phục ngu si, đó gọi là vị thiện hướng trong thế gian. Nếu trong đời có vị đã điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si, vị đó gọi là thiện đáo hay chẳng phải?"

Trưởng giả đáp:

"Thưa Tôn giả A-nan, nếu trong đời có vị đã điều phục tham dục không dư tàn; điều phục sân nhuế, ngu si không dư tàn, vị đó gọi là thiện đáo."

Tôn giả A-nan nói:

"Tôi thử hỏi ông, ông đã chân thật trả lời nghĩa ấy như vậy, ông nên ghi nhận giữ gìn."

Trưởng giả Cù-sư-la sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan chỉ dạy, hoan hỷ, tùy hỷ, làm lễ rồi lui ra.

**
*

KINH 563. NI-KIỀN²¹

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại giảng đường Trùng các, bên bờ ao Di-hầu, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó. Lúc ấy có Vô Úy người Ly-xa²² là đệ tử của Ni-kiền và Thông Minh đồng tử²³ người Ly-xa là đệ tử của A-kỳ-tỳ²⁴, cả hai cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau ân cần hỏi thăm xong, rồi ngồi lui qua một bên.

Khi ấy, Ly-xa Vô Úy nói với Tôn giả A-nan:

²¹. Pāli, A.3.74 Nigaṇṭha.

²². Vô Úy Ly-xa 無畏離車. Pāli: Abhaya-licchavi.

²³. Thông Minh đồng tử 聰明童子. Pāli: Pañḍita Kumarāka.

²⁴. A-kỳ-tỳ 阿耆毘. Có lẽ Pāli: Ājivika, tà mạng ngoại đạo. Xem kinh 573.

“Thầy tôi Ni-kiền Tử đã diệt trừ pháp thiêu đốt²⁵, thanh tịnh siêu xuất, đã vì các đệ tử nói đạo lý như vậy: Nghiệp của đời trước, do thực hành khổ hạnh nên chắc chắn có thể được trút bỏ²⁶; thân nghiệp chẳng tạo tác, chặt đứt cầu đò, trong đời vị lai, không còn các lậu, các nghiệp vĩnh viễn đoạn tận. Vì nghiệp đã vĩnh viễn đoạn tận nên các khổ vĩnh viễn chấm dứt; vì khổ vĩnh viễn chấm dứt nên cứu cánh biên tế khổ. Thưa Tôn giả A-nan, nghĩa này như thế nào?”

Tôn giả A-nan bảo Vô-úy:

“Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lìa sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất²⁷, bangle nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lìa ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp chân như²⁸. Những gì là ba? Như vậy, Thánh đệ tử sống an trú trong tịnh giới, họ trì Ba-la-đề-mộc-xoa, oai nghi đầy đủ, tín nơi các tội lỗi mà sanh ý tưởng sợ hãi²⁹. Giữ gìn tịnh giới đầy đủ như vậy; nghiệp cũ dần dần trút sạch, ngay trong hiện tại được lìa nhiệt não, không đợi thời tiết, chứng đắc Chánh pháp, quán sát thông đạt bằng sự hiện thấy, tự giác ngộ bằng trí tuệ³⁰. Nay trưởng giả Ly-xa, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lìa sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất, bangle nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lìa ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp chân như.”

Lại nữa Vô Úy, với tịnh giới đã đầy đủ như thế, mà ly dục, lìa

²⁵. Hán: xí nhiên pháp 煦然法. Pāli:?

²⁶. Pāli: so purāṇānam kammānam tapasā vyantibhāvam paññapeti, “Ngài chủ trương phá trừ nghiệp quá khứ bằng sự nhiệt hành (khổ hành)”.

²⁷. Pāli: tisso nijarā visuddhiyo, ba sự diệt tận, thanh tịnh.

²⁸. Hán: đắc chân như pháp 得真如法. Pāli: ñāyassa adhigamāya nibbānassa sacchikiriyāya, để chứng đắc như lý; để thân chứng Niết-bàn.

²⁹. Pāli thường gấp về giới: pātimokkhasaṃvara-saṃvutto viharati ācāragocara-sampanno aṇumattesu vajjesu bhayadassāvī, “sống phòng hộ với sự phòng hộ bằng Ba-la-đề-mộc-xoa, đầy đủ oai nghi chính hạnh; thấy sợ hãi trong những lỗi lầm nhỏ nhặt”.

³⁰. Pāli: sandīṭṭhikā nijarā akālikā ehipassikā opaneyyikā paccattam veditabbā viññūhīti, “sự diệt tận ngay hiện thời, phi thời gian, được thấy do đến gần, có tính tùy thuận, được nhận biết bằng nội tâm bởi những bậc trí”.

pháp ác bất thiện... *cho đến*, chứng và an trú đệ Tứ thiền. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nói lìa nhiệt não được pháp như thật.

Lại có tam-muội chánh thọ, đối với Khổ Thánh đế này biết như thật: Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo Thánh đế biết như thật. Thành tựu một cách đầy đủ tâm trí tuệ như thế, nghiệp mới chẳng tạo, nghiệp cũ dần dần dứt sạch, ngay trong hiện tại được lìa nhiệt não, không đợi thời tiết, chứng đắc Chánh pháp, quán sát thông đạt bằng sự hiện thấy, tự giác ngộ bằng trí tuệ³¹. Nay trưởng giả Ly-xa, đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Tri giả, Kiến giả, nói ba thứ đạo dứt lìa sự thiêu đốt, thanh tịnh siêu xuất, bằng nhất thừa đạo mà thanh tịnh chúng sanh, lìa ưu bi, vượt qua khổ não, được pháp như thật.”

Bấy giờ, đệ tử của Ni-kiền Tử là Ly-xa Vô Úy, im lặng trong giây lâu. Đệ tử của A-kỳ-tỳ là Ly-xa Thông Minh lặp lại với Vô Úy rằng:

“Lạ thay, Vô Úy! Sao im lặng như vậy? Pháp được khéo giảng nói bởi Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là đẳng Tri giả, Kiến giả, ông nghe mà không tùy hỷ chăng?”

Ly-xa Vô Úy đáp:

“Vì tôi đang suy nghĩ nghĩa ấy nên im lặng. Ai nghe pháp được khéo giảng nói bởi Thế Tôn Sa-môn Cù-dàm, mà không tùy hỷ? Nếu có người nào nghe pháp được khéo giảng nói bởi Thế Tôn Sa-môn Cù-dàm mà không tùy hỷ thì đó là kẻ ngu si, sẽ lâu dài cam chịu khổ quả, không phải nghĩa lợi, không phải hữu ích.”

Bấy giờ, đệ tử của Ni-kiền Tử là Ly-xa Vô Úy và đệ tử của A-kỳ-tỳ là Ly-xa Thông Minh nghe lại lời nói pháp của Phật do Tôn giả A-nan nói xong, tùy hỷ hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

**
*

³¹. Pāli: so bhikkhu evam sīlasampanno... āsavānam khayā anāsavam cetovimuttim ditth'eva dhamme sayam abhiññā sacchikatvā upasampajja viharati, “Tỳ-kheo ấy thành tựu giới như vậy, đoạn tận hữu lậu, ngay trong đời hiện tại, bằng thắng trí, vô lậu tâm giải thoát tự mình thân chứng, thành tựu và an trú.

KINH 564. TỲ-KHEO-NI³²

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cũng ở đó.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo-ni khởi tâm nhiễm trước đối với Tôn giả A-nan, sai người đến thưa Tôn giả A-nan:

“Thân con bị bệnh khổ, xin Tôn giả thương xót đến thăm.”

Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y mang bát đến chỗ Tỳ-kheo-ni kia. Tỳ-kheo-ni kia từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, để thân thể lõa lồ nằm trên giường. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy thân thể của Tỳ-kheo-ni liền thu nhiếp các căn, đứng xoay lưng lại. Tỳ-kheo-ni kia trông thấy Tôn giả A-nan thu nhiếp các căn, đứng xoay lưng lại, liền tự cảm thấy hổ thẹn. Cô đứng lên khoác lại y phục, trải tọa cụ, đón tiếp Tôn giả A-nan, mời ngồi, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả, rồi lui đứng sang một bên.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan liền vì Tỳ-kheo-ni này nói pháp:

“Này cô, như cái thân này là do thức ăn uế tạp nuôi lớn, do kiêu mạn nuôi lớn, do ái nuôi lớn, do dâm dục nuôi lớn. Này cô, nương nơi thức ăn uế tạp thì nên dứt các thức ăn uế tạp. Nếu nương nơi kiêu mạn, thì nên dứt kiêu mạn. Nương nơi ái dục, hãy dứt ái dục.

“Này cô, thế nào gọi là nương nơi thức ăn uế tạp thì dứt thức ăn uế tạp? Thánh đệ tử đối với sự ăn uống, phải xét lưỡng, suy nghĩ mà ăn, không ăn với ý tưởng đắm đuối lạc thú, không ăn với ý tưởng kiêu mạn, không ăn với ý tưởng trau chuốt, không ăn với ý tưởng làm đẹp, mà chỉ vì duy trì thân, chỉ vì nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì nhiếp thọ phạm hạnh, vì muốn làm dứt các cảm thọ cũ, các cảm thọ mới chẳng phát sanh, nuôi lớn theo tập quán cao thượng; hoặc lực, hoặc lạc, hoặc xúc nén trụ như thế. Thí như khách buôn dùng dầu tó hay dầu nấu đặc để bôi xe, không có ý tưởng nhiễm trước, không có ý tưởng kiêu mạn, không có ý tưởng trau chuốt, không ý tưởng làm đẹp mà chỉ vì chuyên chở. Lại như người bị bệnh ghẻ bôi dầu không ý tưởng nhiễm trước hay ưa thích, không ý tưởng kiêu mạn,

³². Pāli, A.4.159 Bhikkhuni.

không có ý tưởng trau chuốt, không có ý tưởng làm đẹp mà vì lành bệnh ghẻ. Như thế Thánh đệ tử xét lưỡng mà ăn, không ăn với ý tưởng đắm đuối lạc thú, không ăn với ý tưởng kiêu mạn, không ăn với ý tưởng trau chuốt, không ăn với ý tưởng làm đẹp; mà chỉ vì duy trì thân, chỉ vì nuôi sống, vì trị cái bệnh đói khát, vì nghiệp thọ phạm hạnh, vì muốn làm dứt các cảm thọ cũ, các cảm thọ mới chẳng phát sanh, nuôi lớn theo tập quán cao thượng; hoặc lực, hoặc lạc, hoặc xúc, không lối lầm, trụ an ổn. Nay cô, đó gọi là nương thức ăn thì dứt ăn.

“Nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn. Thế nào là nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn? Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hay đệ tử của Tôn giả kia, sạch hết các hữu lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, tự biết không còn tái sanh nữa.’ Nghe rồi liền nghĩ rằng: ‘Thánh đệ tử kia hết sạch hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Còn ta ngày nay, vì sao không hết hữu lậu, vì sao không tự biết không còn tái sanh nữa?’ Ngay lúc đó chắc chắn sẽ có thể dứt các hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Nay cô, đó gọi là nương kiêu mạn thì dứt kiêu mạn.

“Này cô, thế nào là nương ái thì dứt ái? Thánh đệ tử nghe Tôn giả kia, hay đệ tử của Tôn giả kia, hết sạch các pháp hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Còn chúng ta sao chẳng hết hữu lậu, tự biết không còn tái sanh nữa. Ngay lúc ấy có thể dứt các hữu lậu tự biết không còn tái sanh nữa. Ngày nay cô, đó gọi là nương ái thì ái dứt. Ngày nay cô, người không còn việc để làm, tức là người đã cất dứt cầu đồ, đoạn tuyệt dâm dục.”

Khi Tôn giả A-nan nói pháp, Tỳ-kheo-ni xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tỳ-kheo-ni ấy thấy pháp đắc pháp, giác pháp, nhập pháp, không còn hổ nghi, chẳng do người khác, đối với Chánh pháp luật tâm không sợ hãi.

Tỳ-kheo-ni đến đánh lẽ dưới chân Tôn giả A-nan và thưa:

“Ngày nay con xin phát lồ sám hối. Con ngu si, không tốt, làm ra chuyện xấu xa như thế. Nay ở nơi Tôn giả A-nan, con tự thấy lối lầm, tự biết lối, con xin phát lồ sám hối, mong Tôn giả thương xót.”

Tôn giả A-nan bảo Tỳ-kheo-ni:

“Bây giờ cô đã chân thật tự thấy tội, biết lỗi, ngu si, bất thiện. Cô tự biết đã tạo tội xấu xa. Cô tự biết, tự thấy và ăn năn lỗi lầm, ở đời vị lai sẽ được đầy đủ giới. Nay tôi nhận sự sám hối của cô, vì thương xót muốn khiến cô được tăng trưởng pháp lành trọn không thoái giảm. Vì sao? Vì nếu người tự thấy tội, tự biết tội, luôn sám hối thì ở đời vị lai sẽ được đầy đủ giới, pháp lành tăng trưởng, trọn không thoái giảm.”

Sau khi Tỳ-kheo-ni này nghe Tôn giả A-nan nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**

KINH 565. BÀ-ĐẦU³³

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật cùng Tôn giả A-nan ở tại Kiều-trì³⁴, du hành trong nhân gian, đi đến rừng Thân-thứ³⁵, phía Bắc làng Bà-đầu³⁶.

Bấy giờ các thiếu niên tại làng Bà-đầu nghe nói Tôn giả A-nan ở tại Kiều-trì, du hành trong nhân gian, đi đến rừng Thân-thứ, phía Bắc làng Bà-đầu, bèn kêu gọi nhau tập hợp lại, rồi cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ Tôn giả, ngồi lui qua một bên. Lúc ấy Tôn giả A-nan bảo các thiếu niên:

“Này các Hổ chửng³⁷, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, nói bốn thứ thanh tịnh³⁸: Giới thanh tịnh, Tâm thanh tịnh, Kiến thanh tịnh, Giải thoát thanh tịnh.

“Thế nào là Giới thanh tịnh? Thánh đệ tử trụ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, giới tăng trưởng, oai nghi đầy đủ, đối với tội vi tế cũng sanh sợ hãi, giữ gìn các học giới, giới thân chưa trọn vẹn có thể làm cho đầy đủ

³³. Pāli, A.4.194 Sāpūgi.

³⁴. Kiều-trì 橋 池. Pāli: Koliyesu Sāpūgan nāma nigame, giữa những người Koliya, trong một xóm tên là Sāpūga.

³⁵. Thân-thứ lâm 身 恕 林, rừng cây simṣapa.

³⁶. Bà-đầu tụ lạc quốc 婆 頭 聚 落 國. Pāli: Sāpūga.

³⁷. Hổ chửng, tên gọi một dòng họ. Bản Cao-ly chép đế 帝; bản Tống-Nguyễn-Minh: khổ 苦; Ý theo bản Pāli, sửa lại là “hổ” 虎. Pāli: Vyagghapajja.

³⁸. Pāli: bốn thanh tịnh cần chi; pārisuddhipadhānyaṅga.

hoàn toàn, đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn phuơng tiện siêu xuất, siêng năng dũng mãnh, thân, tâm pháp luôn luôn nghiệp thọ³⁹; đó gọi là Giới tịnh đoạn.

“Này các Hổ chửng? Thế nào là Tâm tịnh đoạn? Thánh đệ tử ly dục, lìa pháp ác bất thiện chứng và an trụ đệ Tứ thiền; định thân chưa đầy đủ thì làm cho được đầy đủ, đã đầy đủ rồi thì tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nghiệp thọ; đó gọi là Tâm tịnh đoạn⁴⁰.

“Này các Hổ chửng, thế nào gọi là Kiến tịnh đoạn? Thánh đệ tử nghe Đại Sư nói pháp; với pháp được nói như vậy, như vậy, thì như vậy, như vậy mà nhập chánh quán như thật, như vậy, như vậy mà được hoan hỷ, được tùy hỷ, được theo Phật.

“Lại nữa, Thánh đệ tử tuy chẳng nghe Đại Sư nói pháp, nhưng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng. Nghe các vị phạm hạnh được tôn trọng nói như vậy, như vậy, thì như vậy, như vậy mà nhập chánh quán như thật, như vậy, như vậy mà được hoan hỷ, được tùy hỷ, có tín đối với Chánh pháp.

“Lại nữa, Thánh đệ tử chẳng được nghe Đại Sư nói pháp, cũng chẳng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng nói. Chỉ nghe những điều đã nghe và thọ trì trước kia, đọc đi đọc lại tập quen. Sau khi thọ trì những điều đã nghe trước kia mà đọc đi đọc lại như vậy, như vậy rồi, như vậy mà thâm nhập có tín đối với Chánh pháp.

“Lại nữa Thánh đệ tử chẳng nghe Đại Sư nói pháp, cũng chẳng nghe từ bậc minh trí được các vị phạm hạnh tôn trọng nói lại, cũng chẳng có thể đọc lại những điều đã được thọ trì trước kia, nhưng với pháp đã được nghe trước kia mà nói rộng cho người khác; với pháp đã được nghe trước kia mà nói rộng cho người khác như vậy, như vậy rồi, như vậy mà thâm nhập có tín đối với Chánh pháp.

³⁹. Dục tinh tấn... 欲精進 ... Pāli: yo tattha chando ca vayāmo ca ussāho ca appatīvāni ca sati ca sampajaññañca idam vuccati... sīlapārisuddhipadhāni-yāṅgam, ở đây, ý dục, tinh cần, dũng mãnh, nỗ lực, không thoái thất, chánh niệm, chánh trí, đều được gọi là giới thanh tịnh tinh cần.

⁴⁰. Pāli: cittapārisuddhipadhāniyaṅgam, tâm thanh tịnh cần chi. Pāli: Padhāna, bản Hán đọc là Pahāna.